

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tại Tờ trình số 188/TTr-BCHPCTT&TKCN ngày 19/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCD quốc gia về PCTT;
- UBND Ứng phó sự cố, TT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Quản lý đê điều và PCTT;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN_(Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN NHÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Phần I

GIỚI THIỆU CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Quảng Nam là tỉnh duyên hải miền Trung, có vị trí địa lý từ 14⁰57'10'' đến 16⁰03'50'' vĩ độ Bắc và 107⁰12'50'' đến 108⁰44'20'' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Sê Kông (Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), phía Đông giáp biển Đông. Dân số toàn tỉnh là 1.495.812 người, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển.

2. Điều kiện địa hình, địa mạo

Địa hình Quảng Nam nghiêng dần từ Tây sang Đông, căn cứ vào các đặc điểm chung, có thể phân ra 03 vùng địa hình như sau:

- Địa hình vùng núi: Có độ cao trung bình từ 700 đến 800m, hướng thấp dần từ Tây sang Đông; bao gồm 6 huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My.

- Địa hình vùng gò đồi, trung du: Là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển, độ cao trung bình từ 100 đến 200m; bao gồm các huyện: Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Đại Lộc.

- Vùng đồng bằng ven biển: Là dạng địa hình tương đối bằng phẳng, ít biến đổi, có độ cao dưới 30m gồm những dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông và vùng cồn cát, bãi cát ven biển; bao gồm 06 huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An.

3. Mạng lưới sông ngòi

Tỉnh Quảng Nam có 02 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và hệ thống sông Tam Kỳ.

- Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn được hình thành từ 02 sông chính là Vu Gia và Thu Bồn, với diện tích lưu vực 10.350km² (kể cả phần lưu vực nằm trên tỉnh Kon Tum và thành phố Đà Nẵng). Hệ thống sông này đổ ra cửa Hàn (thành phố Đà Nẵng) và Cửa Đại (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam). Trên

vùng thượng nguồn, đã có quy hoạch 46 dự án thủy điện (10 dự án thuộc quy hoạch bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và 36 dự án thủy điện vừa và nhỏ), với tổng công suất 1.726,06 MW, tổng lượng điện bình quân là 6.530 tỷ kWh/năm.

- Sông Tam Kỳ, có hai nhánh chính là nhánh sông Tam Kỳ và nhánh sông Bàn Thạch, diện tích lưu vực khoảng 1.040km², sông chính dài 70 km, chảy ra biển tại Cửa Lở thuộc huyện Núi Thành. Phía thượng nguồn của sông Tam Kỳ có hồ chứa nước Phú Ninh chiếm lưu vực 235 km².

Ngoài 2 hệ thống sông chính nêu trên, dọc theo bờ biển còn có sông Trường Giang, đây là sông tiêu thoát lũ ở khu vực vùng đồng bằng, nối liền sông Thu Bồn và sông Tam Kỳ với chiều dài khoảng 70 km.

4. Khí hậu

Quảng Nam có lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 2.000 mm đến 2.500 mm. Vị trí địa lý, điều kiện địa hình, cùng với những thay đổi phức tạp của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa đã tạo nên khí hậu Quảng Nam có 02 mùa rõ rệt trong năm:

- Mùa khô: Từ tháng 01 đến tháng 8, có lượng mưa chiếm 25% đến 30% lượng mưa trung bình năm, thường xảy ra hạn hán, nắng nóng, đông tó, lốc, sét và xâm nhập mặn.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 70% đến 75% lượng mưa trung bình cả năm và thường gây ra lũ, lụt.

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tình hình thiên tai từ năm 1997 đến nay

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Quảng Nam là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, đông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, gió mạnh trên biển, cháy rừng do tự nhiên...

2. Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1997 đến nay

Theo tổng hợp trên địa bàn tỉnh, từ năm 1997 đến năm 2022, có 36 cơn bão, 12 ATNĐ, 80 trận lũ... ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh, đã làm 835 người chết, 2.673 người bị thương, 38.686 nhà bị sập, 604.516 nhà dân bị hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại khoảng 31.100 tỷ đồng. Trong đó năm 2020, thiên tai đã làm 46 người chết, 17 người mất tích, gây thiệt hại nghiêm tài sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, điều kiện sống của người dân, với tổng ước tính thiệt hại khoảng hơn 11.000 tỷ đồng. Đặc biệt, trong năm 2022, do ảnh hưởng của đợt mưa lớn trái mùa từ ngày 30/3 đến ngày 04/4 đã gây thiệt hại nặng nề về người, nhà ở, sản xuất nông nghiệp, kết cấu hạ tầng... của Nhà nước và nhân dân. Tổng ước tính thiệt hại khoảng 1.000 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Đánh giá thiên tai

a) Đối với ATNĐ, bão

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của ATNĐ, bão	Khu vực ảnh hưởng
3 (bão mạnh)	<ul style="list-style-type: none"> - ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam. - Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 13 hoạt động trên Biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Điện Bàn, Duy Xuyên, Núi Thành, Hội An, Tam Kỳ, Thăng Bình. + Đại Lộc, Phú Ninh, Quế Sơn, Nông Sơn, Tiên Phước và Hiệp Đức. - Các địa phương bị ảnh hưởng gián tiếp: Các địa phương còn lại trên địa bàn tỉnh - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4 (bão mạnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5 (siêu bão)	<ul style="list-style-type: none"> Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

b) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra từ 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trở lên trên địa bàn tỉnh.

c) Đối với mưa lớn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200

mm hoặc 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

d) Đối với nắng nóng

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 35°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài trên 25 ngày.

đ) Đối với hạn hán

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình

nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

e) Đối với lũ, ngập lụt

Sông	Vu Gia	Thu Bồn	Tam Kỳ
Rủi ro thiên tai cấp độ 1	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2
Rủi ro thiên tai cấp độ 2	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ2 - dưới BĐ3 + 1m
Rủi ro thiên tai cấp độ 3	- BĐ3 trở lên (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ3+1m trở lên (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ3 trở lên (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ3+1m trở lên (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ3+1m trở lên

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Câu Lâu, Hội An, Tam Kỳ, Giao Thủy, Nông Sơn, Thành Mỹ, Hội Khách, Hiệp Đức).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Nam Giang, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quê Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 trên các sông: Vu Gia - Thu Bồn (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Giao Thủy, Câu

Lâu, Hội An). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An.

+ Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 + 01m trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Nam Giang, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình, Núi Thành.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3:

+ Mực nước lũ cao từ mức báo động 3 trở lên trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An.

+ Mực nước lũ cao từ báo động 3 + 01m trở lên trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Nam Giang, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình, Núi Thành.

* Đối với các khu vực không có cấp báo động lũ thì căn cứ vào mực nước ngập trung bình hằng năm (MNTB) (Cấp độ 1: dưới MNTB, Cấp độ 2: MNTB, Cấp độ 3: MNTB trở lên).

g) Đối với lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trên 200mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành, Duy Xuyên, Đại Lộc; lượng mưa từ trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành, Duy Xuyên, Đại Lộc.

h) Đối với gió mạnh trên biển

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi có gió mạnh trên biển cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 7 đến cấp 8 xảy ra trên vùng biển

ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi có gió mạnh trên biển từ cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

i) Đối với xâm nhập mặn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ với ranh giới độ mặn trên 4‰.

k) Đối với động đất

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Cường độ chấn động từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Cường độ chấn động từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực đô thị hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Cường độ chấn động trên cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

l) Đối với sóng thần

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2 m và cường độ sóng thần cấp VI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2 m đến dưới 4 m và cường độ sóng thần từ cấp VII đến cấp VIII.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4 m đến dưới 8 m và cường độ sóng thần từ cấp IX đến cấp X..

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8 m đến dưới 16 m và cường độ sóng thần cấp XI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ

cao sóng trên 16 m và cường độ sóng thần cấp XII.

m) Đối với cháy rừng do tự nhiên (*Có 4 cấp độ theo Điều 54 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ*)

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2 khi: Nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài không quá 15 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày.

2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai

a) Về chỉ đạo, chỉ huy ứng phó

- Cấp tỉnh: Đề chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh kịp thời tổ chức kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN; ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro cấp tỉnh và các kế hoạch liên quan. Ngoài ra, đối với các trận bão có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh hoặc các đợt mưa, lũ lớn; UBND tỉnh ban hành cụ thể các Quyết định thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao, trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

- Cấp huyện, xã:

+ Thực hiện các nội dung công việc tương tự như cấp tỉnh về: Kiện toàn tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cùng cấp, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phương án đã ban hành.

+ Trong chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất, phân công các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN đứng điểm trên từng địa bàn để chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng tránh và ứng phó với thiên tai.

+ Chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên trực tiếp.

b) Về lực lượng: (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

c) Về vật tư, phương tiện: (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

d) Về dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết: (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

e) Vị trí neo đậu, sức chứa của các cảng neo trú tàu, thuyền: (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

Phần II

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố kết quả cập nhật phân kỳ bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ;

- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với cấp độ rủi ro thiên tai.

- Kế hoạch số 318-KH/TU ngày 24/6/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

II. MỤC ĐÍCH

- Chủ động các hoạt động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro do thiên tai gây ra.

III. YÊU CẦU

- Các cấp các ngành thực hiện có hiệu quả phương châm “Bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”; hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội.

- Bảo đảm an toàn cho hệ thống đê điều, hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn, các hồ gần nơi khu dân cư đông đúc hoặc gần trung tâm kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng quan trọng ở hạ du công trình thủy lợi.

- Đảm bảo giao thông được thông suốt trong mọi tình huống; hoàn thành hệ thống thông tin liên lạc từ cấp tỉnh đến cấp xã (hữu tuyến, vô tuyến, di động, lực lượng hỏa tốc).

- Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn cảnh báo của chính quyền, của cơ quan chức năng; đồng thời nâng cao ý thức chủ động, tự giác tham gia cùng chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Phần III NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

- Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai có thể gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

- Các đơn vị, địa phương trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng phương án ứng phó để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó thiên tai ở cấp cao hơn nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

II. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI

Ứng phó nhanh, kịp thời, hiệu quả; có sự chỉ đạo, chỉ huy, triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền địa phương, đơn vị và người dân nhằm đảm bảo được các mục tiêu đã đặt ra.

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI TƯƠNG ỨNG THEO CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

a) Ứng phó ATNĐ, bão

a1) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 3

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú ATNĐ, bão.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo các Đài canh TKCN trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực ảnh hưởng của bão, ATNĐ hoặc gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh trú bão.

Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Chủ động công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền hoạt động trên biển.

- Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo dõi thông tin diễn biến của ATNĐ, bão và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để chủ động công tác đảm bảo an toàn học sinh, sinh viên trong thời gian bị ảnh hưởng của ATNĐ, bão.

- Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó ATNĐ, bão, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin về công tác ứng phó ATNĐ, bão đến người dân.

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

Chủ động chỉ đạo triển khai phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro của địa phương đảm bảo.

Các huyện, thị xã, thành phố ven biển phối hợp với các Đoàn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt

chế thông tin diễn biến bão, ATNĐ. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của bão, ATNĐ để chủ động phòng, tránh.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

a2) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 4

Ngoài nội dung được triển khai như ATNĐ, bão cấp độ 3, các địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp sau:

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy tiền phương tại địa bàn có nguy cơ bão đổ bộ.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống bão, ATNĐ.

Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo chủ các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện triển khai phương án PCTT đảm bảo an toàn đập và an toàn cho nhân dân vùng hạ du công trình; chú trọng đến các hồ chứa, công trình đê điều xung yếu.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

Phối hợp với các địa phương rà soát, thống kê cụ thể số lượng người cần di dời, sơ tán, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

Phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Triển khai các biện pháp kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền khẩn trương di chuyển tránh, trú bão, ATNĐ; đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tại nơi neo đậu.

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng thiên tai.

Sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ các đơn vị liên quan ứng phó sự cố công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều.

- Công an tỉnh

Triển khai lực lượng đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn tỉnh; tổ chức chốt chặn, hướng dẫn người, phương tiện qua lại tại các khu vực ngầm, tràn đảm bảo an toàn. Chủ động cấm người, phương tiện qua lại tại các khu vực bị ngập sâu, nước chảy xiết; cấm các phương tiện thuyền, đò lưu thông trên sông khi có lũ.

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng hỗ trợ chính quyền địa phương và Nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ; tham gia ứng cứu sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều,... khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

Tổ chức PCTT và TKCN theo phương án đã được lập. Trong đó cần chú ý các nội dung sau:

Tổ chức sơ tán dân tại những khu vực vùng ven biển, trũng, thấp, vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng nguy cơ sạt lở đất, núi, bờ sông, bờ biển.

Thông báo thường xuyên tình hình diễn biến thiên tai đến từng cộng đồng dân cư (kể cả truyền thanh lưu động). Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đảm bảo nhân dân nhận được thông tin về diễn biến thiên tai.

Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men cần thiết để cứu trợ nhân dân trong vùng.

Chuẩn bị lực lượng, phương tiện của địa phương và hỗ trợ nhân dân vùng thiên tai trong việc di dời, sơ tán phòng, tránh thiên tai.

Chỉ đạo các cơ quan, trường học, trạm y tế tại địa phương tạo điều kiện cho nhân dân đến trú, tránh thiên tai.

Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập thủy lợi, thủy điện; đặc biệt là các công trình xuống cấp, xung yếu, các công trình đang thi công dở dang.

Tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Tổng hợp tình hình thiệt hại tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Các Sở, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức phòng, chống bão, ATNĐ cho cơ quan, đơn vị mình. Huy động lực lượng, hỗ trợ các địa phương, đơn vị phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

a3) Đối với rủi ro bão cấp độ 5

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến bão.

Xác định khu vực nguy cơ bão đổ bộ, mực nước dâng do bão làm cơ sở trong việc di dời, sơ tán dân.

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại địa phương có nguy cơ bão đổ bộ để điều hành trực tiếp công tác phòng, chống bão.

Tham mưu UBND tỉnh huy động tối đa nguồn lực hiện có hoặc đề xuất Trung ương hỗ trợ tỉnh để thực hiện công tác phòng, chống bão mạnh, siêu bão.

Thực hiện các nội dung công tác khác như ATNĐ, bão cấp độ 3 nêu trên.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các Hội đoàn thể

Triển khai thực hiện các nội dung như với ANTĐ, bão cấp độ 4. Riêng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức bổ sung các nội dung sau:

Tạo điều kiện cho nhân dân vào trú ẩn tại các doanh trại quân đội trên địa bàn.

Đề nghị các lực lượng quân đội của Bộ Quốc phòng và Quân Khu 5 đóng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân phòng, chống bão.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo, tổ chức sơ tán nhân dân đến các vị trí an toàn. Các vị trí an toàn được khuyến khích bao gồm: Nhà kiên cố, trụ sở, cơ quan, trạm y tế kiên cố, hầm tránh bão,...

Các khu vực phải tổ chức di dời bao gồm: Các xã ven biển, nhà dân không kiên cố, các khu vực dân cư nằm vùng trũng, thấp, ven sông, suối, hạ du các hồ chứa.

Thường xuyên cập nhật tình hình di dời, sơ tán dân tại địa phương, báo cáo tỉnh để biết, hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

- Các Sở, Ban, ngành

Tổ chức chằng, chống, gia cố trụ sở, triển khai phương án PCTT tại đơn vị.

Sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức và khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu từ UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Cứu hộ, cứu nạn trên biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (Cơ quan thường trực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển, hải đảo) tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Khi nhận được tin thiên tai, tai nạn, yêu cầu người báo tin cung cấp thông tin: Thời gian, vị trí (tọa độ hoặc khu vực) xảy ra tai nạn; tên phương tiện; thuyền trưởng; số người trên tàu; lý do bị nạn; hậu quả ban đầu; điều kiện thời tiết sóng, gió ở khu vực bị nạn; tần số, thời gian các phiên liên lạc; số điện thoại, địa chỉ của thuyền trưởng, chủ tàu; đề nghị, yêu cầu của thuyền trưởng.

Chỉ đạo thông tin TKCN của đơn vị phối hợp với đài thông tin duyên hải miền Trung, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng giữ liên lạc với tàu bị nạn, đồng thời phát thông báo tàu bị nạn và huy động những tàu thuyền đang hoạt động

gần khu vực tham gia cứu nạn.

Kịp thời báo cáo tình hình tai nạn về Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo.

Chỉ thị cho các Đồn Biên phòng sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động cứu hộ, cứu nạn khi có lệnh, đồng thời thông báo cho các lực lượng chức năng (Trung tâm phối hợp Hàng hải khu vực, Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng các tỉnh lân cận) sẵn sàng lực lượng, phương tiện phối hợp tham gia cứu hộ, cứu nạn.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công và điều kiện khả năng cho phép tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện từ bờ ra cứu hộ, cứu nạn. Trường hợp không có khả năng hoặc không thuộc phạm vi địa bàn phụ trách kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN điều động lực lượng, phương tiện ra cứu hộ, cứu nạn.

Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương chuẩn bị mọi mặt thường trực tại bến để tiếp nhận, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân nặng đến cơ sở y tế cấp cứu, điều trị

Trường hợp chưa tổ chức lực lượng phương tiện cơ động ra hiện trường TKCN, nhưng qua hệ thống thông tin liên lạc phát hiện trên tàu bị nạn có người bị thương, chỉ đạo quân y đơn vị sử dụng máy trực canh TKCN để thăm khám, hướng dẫn những người trên tàu sơ cứu, điều trị ban đầu cho nạn nhân. Qua máy thông tin hướng dẫn thuyền trưởng đưa nạn nhân vào nơi gần nhất, có điều kiện để cấp cứu và thường xuyên giữ liên lạc với trạm canh của Bộ đội biên phòng để xử lý các tình huống.

Kết thúc vụ việc, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh theo quy định.

b) Ứng phó với lũ, ngập lụt

b1) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 1

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Tham mưu ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương tổ chức phòng, tránh lũ.

Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã ban hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình và vùng hạ du.

- Sở Công Thương

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Các địa phương thuộc lưu vực các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ: Rà soát các khu vực dân cư vùng trũng, thấp, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở đất, núi, bờ sông. Tổ chức di dời, sơ tán dân tương ứng cấp độ lũ, lụt.

Các huyện miền núi: Kiểm tra, rà soát các khu vực dân cư ven sông, suối, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở. Tổ chức di dời, sơ tán dân; các vị trí an toàn được xác định chủ yếu là trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế hoặc nhà dân nơi cao ráo, không bị ảnh hưởng của lũ, sạt lở đất.

b2) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 2, 3

Từ mức rủi ro thiên tai cấp độ 2, hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng. Trong đó, phải chú ý mức ngập lụt tại các xã, phường, thị trấn vào trận lũ lịch sử năm 2009 để làm căn cứ sơ tán dân.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Tham mưu UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành Công điện chỉ đạo phòng, tránh lũ. Trong đó cần chú ý đến các nội dung: sơ tán dân, an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, giao thông trước, trong và sau lũ.

Cập nhật thường xuyên tình hình sơ tán dân tại các địa phương, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, UBQG UPSC TT & TKCN, UBND tỉnh để hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

Theo dõi tình hình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Theo dõi việc thực hiện Quy trình vận hành liên hồ đối với hồ thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh thành lập các Đoàn công tác chỉ đạo phòng, chống và khắc phục lũ tại các địa phương.

Phối hợp cùng các Hội, đoàn thể tỉnh trong việc cung cấp tình hình thiệt

hại do lũ gây ra làm cơ sở cho công tác kêu gọi cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình, vùng hạ du công trình và các tình huống sự cố khẩn cấp.

- Sở Công Thương

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh

Huy động tối đa lực lượng, phương tiện của đơn vị hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân phòng, chống lũ.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật thông tin, diễn biến mưa, lũ cung cấp thường xuyên cho nhân dân được biết, chủ động phòng, tránh.

- Sở Thông tin và Truyền thông

Đảm bảo kết nối thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó mưa, lũ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo dõi thông tin diễn biến của lũ, ngập lụt và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt.

- Các Sở, ngành, Hội đoàn thể tỉnh

Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia cùng chính quyền và nhân dân các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, ngập lụt.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Tổ chức di dời, sơ tán hết nhân dân tại nơi ngập sâu (kể cả nhân dân vùng hạ du các hồ chứa thủy lợi, thủy điện), khu dân cư có nguy cơ bị sạt lở.

Kiểm tra, kiểm soát giao thông trên các tuyến đường trong và sau lũ.

Cứu trợ nhân dân vùng thiên tai.

Thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai và thiệt hại ban đầu tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

Chỉ đạo các Đài Truyền thanh - Truyền hình tiếp nhận các thông tin từ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh hoặc cập nhật thông tin từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN địa phương thường xuyên thông báo cho nhân dân được biết. Tuyệt đối không để nhân dân không tiếp cận được thông tin diễn biến lũ, lụt.

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với các chủ công trình, hồ đập ứng cứu sự cố công trình khi có đề nghị.

Tổ chức khắc phục thiệt hại sau lũ, ngập lụt tại các khu vực bị thiệt hại. Báo cáo đề xuất hỗ trợ trong các tình huống vượt khả năng của địa phương.

c) Ứng phó dông, lốc, sét

Đối với rủi ro dông, lốc, sét xảy ra cấp độ 1, 2, UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp chủ động tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

c1) Công tác tổ chức phòng, tránh và ứng phó

- Trên đất liền

Tổ chức tập huấn tuyên truyền các biện pháp, kỹ năng phòng tránh khi xảy ra dông, lốc sét.

Thường xuyên kiểm tra, chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc. Ở các vùng ven biển, cửa sông, ven sông nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có dông gió, lốc, sét.

Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các dàn giáo của công trình cao tầng đang thi công.

Khi có mưa kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ để bị ngã đổ gây tai nạn.

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện

thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

- Trên sông, biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thủy sản), các huyện, thị xã, thành phố thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển, trên sông đảm bảo các yêu cầu sau:

Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

Khi thấy mây dông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn.

Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, nhóm, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

c2) Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra dông gió, lốc, sét, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản.

Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông gió, lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất.

Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định.

Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc.

Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai.

Thông kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho nhân dân.

c3) Công tác báo cáo, thông kê thiệt hại

UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, xã tổ chức đến hiện trường khi trên địa bàn xảy ra dông gió, lốc, sét gây ra; thông kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

d) Ứng phó lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

d1) Công tác phòng ngừa

Chỉ đạo lập Quy hoạch phân vùng có nguy cơ sạt lở đất.

Chỉ đạo, kiểm tra rà soát hiện trạng các vùng dân cư, ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch để di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi, ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ.

Xây dựng hệ thống cảnh báo, biển báo đối với vùng có nguy cơ bị sạt lở đất.

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

d2) Công tác ứng phó

Chỉ đạo, thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ.

Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên về phòng, tránh sạt lở đất.

Thông báo cho nhân dân biết về tình hình mưa lớn, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn để chủ động di chuyển ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất như: Đồi dốc, chân vách đá, bờ bãi thấp ven sông suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở...

Triển khai lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã kiểm tra, rà soát, chốt chặn, cắm biển cảnh báo... tại các khu vực ngầm tràn, vũng trũng thấp, sườn đồi núi, khu dân cư nằm sâu trong núi,...; hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn đối với các khu vực có nguy cơ, được cảnh báo xảy ra lũ ống, lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật...; thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra.

d3) Công tác khắc phục

Tăng cường cán bộ trực tiếp đến hiện trường các điểm xảy ra sự cố để xử lý, khắc phục hậu quả.

Tổ chức khắc phục các sự cố về hệ thống thông tin liên lạc, giao thông; dọn dẹp vệ sinh môi trường; thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại

Báo cáo kịp thời các sự cố sạt lở đất đến UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên để chỉ đạo.

Thống kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

e) Ứng phó gió mạnh trên biển

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương ven biển tổ chức phòng, tránh gió mạnh trên biển.

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú gió mạnh trên biển.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo các Đoàn Biên phòng trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực có gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh gió.

Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Chủ động công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền hoạt động trên biển.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

Phối hợp với các Đoàn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến của gió mạnh trên biển. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của gió mạnh để chủ động phòng, tránh.

Phối hợp với các Đoàn Biên phòng tổ chức, hướng dẫn neo đậu tàu thuyền an toàn để tránh gió mạnh.

g) Ứng phó xâm nhập mặn

Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án phòng, chống hạn, nhiễm mặn trên địa bàn toàn tỉnh.

h) Ứng phó động đất, sóng thần

Động đất, sóng thần là loại hình thiên tai mà hầu như đến nay chưa thể dự báo trước được. Vì vậy, để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do động đất gây ra, công tác chuẩn bị trước khi xảy ra động đất là hết sức quan trọng.

- Đối với UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng ở địa phương

+ Công tác chuẩn bị:

Khảo sát, xác định và chuẩn bị các khu vực sơ tán an toàn cho nhân dân.

Chủ động xây dựng kế hoạch sơ tán dân của từng thôn, bản, tổ dân phố và sẵn sàng triển khai thực hiện khi có động đất, sóng thần.

Dự trữ lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, thuốc y tế đảm bảo cho công tác cứu trợ nhân dân trong khu vực bị động đất, sóng thần.

Có kế hoạch chuẩn bị lực lượng tại chỗ (Đội xung kích PCTT và TKCN) để hỗ trợ kịp thời nhân dân bị thương vong, mất tích trong vùng bị động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng với các lực lượng vũ trang để hỗ trợ trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi động đất, sóng thần có cường độ lớn, xảy ra trên phạm vi rộng.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cho nhân dân các kỹ năng phòng, tránh động đất, sóng thần.

+ Công tác chỉ đạo, chỉ huy:

Phát cảnh báo trên hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu, trên các mạng viễn thông đến từng người dân.

Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu.

Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản (công điện, chỉ thị,..).

Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực có nguy cơ xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn khu vực xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo công tác kêu gọi tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc chạy ra xa bờ.

Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

- Công tác ứng phó:

Huy động lực lượng toàn tỉnh để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn.

Huy động lực lượng, phương tiện kinh phí, vật tư, tại chỗ hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm... tại nơi sơ tán.

Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất, sóng thần: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống bị sập đổ, cuốn trôi, tàu thuyền bị chìm... do động đất, sóng thần gây ra.

Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có

nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị ảnh hưởng.

Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra động đất, sóng thần để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

Triển khai phương án dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các kho hóa chất phát tán ra môi trường.

Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nội dung tại Công văn số 4992/UBND-KTN ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần.

Sẵn sàng điều động các lực lượng vũ trang trên địa bàn bao gồm cán bộ, chiến sĩ, lực lượng dân quân tự vệ và phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng, khẩn trương tổ chức ứng cứu nhân dân vùng bị động đất, sóng thần.

- Công an tỉnh

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp tổ chức thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn bị động đất, sóng thần; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tình hình thiên tai để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo công tác sơ tán dân vùng bị động đất, sóng thần đến nơi an toàn.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các đoàn thể khẩn trương tổ chức thực hiện cứu trợ cho nhân dân ở khu vực bị ảnh hưởng của động đất, sóng thần; thăm viếng, động viên và giải quyết chính sách kịp thời cho những người bị chết, bị thương; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ lương thực, thực phẩm (gạo, mì tôm, nhu yếu phẩm khác) cho người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần.

- Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp cứu và đảm bảo các dụng cụ y tế, thuốc, dược phẩm thực hiện công tác sơ cứu tại chỗ người bị nạn và chăm sóc sức khỏe người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế

hoạch ưu tiên bố trí xe cấp cứu vận chuyển người bị thương về Trung tâm Y tế huyện để cấp cứu những người bị thương nặng được chuyển đến.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý môi trường sau khi động đất, sóng thần xảy ra.

- Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo khẩn trương xử lý khẩn cấp các tuyến đường bị sạt lở, cầu cống bị hư trong thời gian sớm nhất để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và đi lại của nhân dân.

- Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó Ứng phó động đất, sóng thần, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin về công tác ứng phó Ứng phó động đất, sóng thần đến người dân.

- Công ty Điện lực Quảng Nam

Tổ chức khắc phục sự cố về điện phục vụ cho nhân dân vùng động đất, sóng thần.

- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện, lực lượng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả của động đất, sóng thần ở các địa phương.

i) Ứng phó hạn hán

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án phòng, chống hạn, nhiệm mẫn trên địa bàn toàn tỉnh.

k) Ứng phó cháy rừng do tự nhiên

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm Lâm) theo dõi, tham mưu trình UBND tỉnh triển khai hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn toàn tỉnh theo từng cấp độ đảm bảo theo quy định tại Điều 54, Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

2. Kế hoạch di dời, sơ tán dân

a) Đối với bão (*Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo*)

b) Đối với lũ, ngập lụt (*Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo*)

c) Đối với sạt lở đất (*Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo*)

d. Đối với lũ quét (*Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo*)

e) Đối với động đất, sóng thần: *(Chi tiết có Kế hoạch ứng phó với động đất, sóng thần của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)*

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các địa phương, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Công điện số 02/CĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh về chủ động công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, công tác phòng chống sạt lở, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân trước và trong mùa mưa lũ trên địa bàn tỉnh và một số nội dung sau để triển khai thực hiện:

1. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro để đảm bảo an toàn trong chỉ đạo, ứng phó với thiên tai, đồng thời đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh. Trong đó; đối với nội dung phương án sơ tán dân, chỉ đạo thực hiện rà soát danh sách các hộ gia đình có nhà kiên cố, cập nhật phương án sơ tán dân theo phương châm **“4 tại chỗ”**; **tăng cường tối đa công tác di dời, sơ tán tại chỗ, xen ghép**; hạn chế sơ tán tập trung.

- Chỉ đạo UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các xã, phường, thị trấn xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro; hỗ trợ, phối hợp với các Điện lực trực thuộc Công ty Điện lực Quảng Nam triển khai chặt tủa cây cối nằm gần các tuyến đường dây điện trước khi bão đổ bộ, đảm bảo an toàn lưới điện và sớm khôi phục cấp điện sau bão.

- Chỉ đạo rà soát, củng cố và nâng cao năng lực lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Chỉ đạo, phổ biến các nội dung của Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro đến các địa phương, đơn vị trên địa bàn.

- Chuẩn bị trang thiết bị, máy móc, cơ sở thuốc, đội ngũ y, bác sĩ... cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán.

- UBND các huyện miền núi, rà soát, chủ động tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại trụ sở UBND cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên.

- Chỉ đạo rà soát đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai *(nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ dễ bị ảnh hưởng từ thiên tai và khó phục hồi hơn so với những nhóm người khác trong cộng đồng; bao gồm: Trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người*

khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo).

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

- Chủ động sử dụng nguồn lực tại chỗ để khắc phục hậu quả thiên tai, trường hợp vượt quá khả năng cân đối đề xuất nhu cầu, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (*báo cáo phải cụ thể tình hình sử dụng ngân sách địa phương, quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị, địa phương để khắc phục; thừa, thiếu so với nhu cầu và đề xuất*) đảm bảo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho nhân dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của người dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai, đặc biệt là ngư dân trên biển.

- Đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

2. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Theo dõi, đôn đốc các địa phương, đơn vị rà soát, hoàn chỉnh lại phương án di dời, sơ tán dân cho phù hợp; tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Quảng Nam theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã Hội, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổng hợp, đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị xã, thành phố chủ động tham mưu rà soát các kế hoạch ứng phó cụ thể với các tình huống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn; đặc biệt là phương án sơ tán nhân dân ra khỏi vùng có nguy cơ bị sạt lở, ngập lụt và ảnh hưởng của bão; hướng dẫn, xây dựng kế hoạch nâng

cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”;

- Rà soát các địa điểm sơ tán tập trung; kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết cho công tác PCTT.

- Tham mưu cho cấp ủy, địa phương bổ sung kịp thời trang thiết bị cho lực lượng làm nhiệm vụ như: quân sự, công an, y tế, lực lượng khác... trong PCTT ở cơ sở.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN hằng năm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Trung ương Phòng, chống thiên tai bổ sung trang thiết bị cần thiết cho tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền.

4. Công an tỉnh

- Chỉ đạo Công an các địa phương tham mưu chính quyền các cấp triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở trong điều kiện xảy ra thiên tai.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm soát chặt chẽ các thông tin trong dư luận, mạng xã hội... kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm, như đưa thông tin sai sự thật, bịa đặt, kích động, cản trở, chống đối.

- Huy động lực lượng của đơn vị hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp với các địa phương ven biển tăng cường quản lý, kiểm soát tàu thuyền, kiên quyết không để các tàu đánh bắt thủy sản, hải sản hết hạn đăng kiểm; trang thiết bị an toàn, thông tin liên lạc không đảm bảo; thuyền trưởng, máy trưởng thiếu chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ ra khơi; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật Việt Nam và Quốc tế có liên quan đến hoạt động đánh bắt, hành nghề trên biển để bà con ngư dân hiểu, chấp hành. Chủ động công tác đảm bảo an toàn hoạt động trên biển, tổ chức nghiêm cấm tàu thuyền ra khơi (*bao gồm ghe thuyền các xã bãi ngang ven biển, hoạt động gần bờ, tàu du lịch,...*) đảm bảo an toàn khi có hình thái thời tiết nguy hiểm trên biển. Chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và tài sản của Nhân dân vùng ven biển, trên đảo, trên các lồng bè và khu vực nuôi trồng thủy, hải sản khi có hình thái thời tiết nguy hiểm trên biển.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và

TKCN tỉnh tổ chức công tác cứu hộ, cứu nạn các phương tiện, tàu thuyền và ngư dân bị gặp nạn trên biển và hải đảo.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phối hợp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

6. Sở Y tế

- Chủ động trong công tác dự phòng, sẵn sàng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời trong các tình huống thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, chỉ huy và điều hành tại chỗ để chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời thiên tai. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thuốc, hóa chất để đáp ứng kịp thời mọi tình huống. Đảm bảo các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân khi có thiên tai.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, cảnh báo hướng dẫn, các biện pháp phòng, tránh, ứng phó thiên tai kịp thời đến nhân viên y tế và cộng đồng. Đảm bảo an toàn về tính mạng cho nhân viên y tế và người bệnh, nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng tránh với thiên tai; Đảm bảo về tài sản, thuốc, trang thiết bị y tế.

- Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau mùa mưa, bão, lũ. Tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời không để dịch bệnh lây lan, bùng phát.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy lợi khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và ở nơi trú tránh khi có thiên tai trên biển xảy ra.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

8. Sở Công Thương

- Theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện khi có thiên tai xảy ra.

- Rà soát, hướng dẫn các địa phương chủ động tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại các khu sơ tán tập trung, trụ sở UBND

cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thu gom rác thải, vệ sinh môi trường sau khi thiên tai xảy ra.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, Cổng Thông tin điện tử tỉnh thường xuyên đưa tin, cập nhật thông tin thời tiết, thiên tai; tăng cường tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng nhận biết, ứng phó, phòng tránh thiên tai cho người dân trên Cổng và kênh Zalo OA 1022 Quảng Nam.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó phòng chống thiên tai trong mọi tình huống. Tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin thông báo kịp thời về công tác ứng phó phòng chống thiên tai đến người dân trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ sở lưu trú, điểm tham quan du lịch có kế hoạch, biện pháp đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho du khách; tập trung đẩy mạnh công tác phòng, chống thiên tai tại các cơ sở lưu trú du lịch.

12. Sở Tài chính

- Phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách tỉnh cho các địa phương, đơn vị thực hiện việc phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống thiên tai.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo các Bộ, ngành Trung ương về nhu cầu vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh từ nguồn Trung ương hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Theo dõi, nắm chắc tình hình thiệt hại của nhân dân vùng bị thiên tai, những người bị rủi ro do thiên tai ngoài vùng cư trú.

- Chủ động phối hợp với UBND các địa phương kịp thời tổ chức công tác cứu trợ theo quy định, đồng thời đề xuất UBND tỉnh quyết định các biện pháp cứu trợ khẩn cấp nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cứu trợ tại các địa phương phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành của Nhà nước, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết hỗ trợ các địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

15. Công ty Điện lực Quảng Nam

Có kế hoạch đảm bảo an toàn về điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, các cơ quan, doanh nghiệp trong mùa mưa bão; có phương án khắc phục kịp thời các sự cố về điện do thiên tai gây ra.

16. Đối với các đơn vị quản lý hồ thủy điện, thủy lợi

- Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai.

- Lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác kiểm tra kỹ thuật đối với công trình thủy công, khi phát hiện những vấn đề bất thường hoặc các nguy cơ tiềm ẩn không an toàn phải lập tức báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền biết để chỉ đạo khắc phục; đồng thời triển khai ngay các biện pháp xử lý ban đầu nhằm ngăn chặn hậu quả xấu có thể xảy ra.

- Ngoài việc thực hiện đúng quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải chấp hành nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh trong công tác cắt lũ, giảm lũ và chậm lũ cho vùng hạ du.

17. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, Ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

18. Đề nghị Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Phối hợp tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; tổng hợp nhu cầu đề xuất tập huấn về phòng, chống thiên tai tại địa phương; xây dựng Đề án về cộng đồng an toàn trước thiên tai.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

20. Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

Phôi hợp cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm phục vụ công tác chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Phương án ứng phó với thiên tai các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Phụ lục I.

THỐNG KÊ NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia khi có thiên tai xảy ra				Thanh niên xung kích
				Quân sự	Biên phòng	Công an	Dân quân	
1	Núi Thành	527	72	215	30	40	410	1.030
2	Thăng Bình	328	84	225	15	136	616	
3	Duy Xuyên	365	74	222		121	615	686
4	Điện Bàn	736	106	188		245	953	510
5	Nam Giang	260	45	120	75	75	250	222
6	Phú Ninh	348	61	118		43	336	427
7	Hội An	300	42	224	40	20	465	350
8	Quế Sơn	298	84	233		173	688	147
9	Nông Sơn	149	55	121		53	168	
10	Tiên Phước	180	60	120		38	505	343
11	Đại Lộc	430	64	370		204	450	1.222
12	Nam Trà My	110	22	118		65	310	250
13	Tây Giang	341	57	123	72	55	280	700
14	Đông Giang	315	25	117		88	330	665
15	Phước Sơn	44	14	125		30	300	420
16	Bắc Trà My	333	33	20	0	71	426	409
17	Hiệp Đức	364	41	62		50	308	385
18	Tam Kỳ	170	40	243	80	100	702	2.038
19	Quân sự tỉnh	20		265				
Tổng cộng		5.618	979	3.229	312	1.607	8.112	9.804

Phụ lục II.

THỐNG KÊ PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ CỨU HỘ, CỨU NẠN HIỆN CÓ

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Địa phương/ Đơn vị	Tên phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn																			
		Tàu, thuyền	Ca nô	Ghe	Xe cứu hộ	Xe ô tô	Xe cứu thương	Máy cưa	Máy phát điện	Mặt nạ các loại	Cuộc dây cứu người	Đèn pin	Rựa	Nhà bạt	Bao cát	Bộ đàm cầm tay	Bộ đàm để bàn	Loa cầm tay	Phao bè	Phao cứu sinh	Áo phao
1	Điện Bàn	2	6	117	0	90		60	62	15	136	685	139	33	2.600	27	6	218	9	1.203	1.553
2	Thăng Bình		3				2														340
3	Duy Xuyên	17	4		56		5	21	25					2				88		730	520
4	Nam Giang		2	2		6	3	5	2			120	120	2	200			12		150	177
5	Hội An	25	6	40	4	20	4	9	40			100	20	11	20.000	59	16	17	2	1.000	1.200
6	Quế Sơn		2	2		102	2	10	10					2	1.000	2		23	2	342	525
7	Nông Sơn	1																			299
8	Phú Ninh	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2	30	7	415	420
9	Núi Thành		6		5	2		5	2					24					7	221	1.050
10	Bắc Trà My	1	2	26		65	2	28	15		550	130	65	10	880	16		51	2	385	633
11	Nam Trà My	1					2														100
12	Phước Sơn		1	1	0	15	2	7	15			30		4	1.500	1		6	2	40	140
13	Tây Giang					8	3	66	15		200	259	560	3	3.224	5	1	6		30	86
14	Đại Lộc	72	16	176	20	41	3	40	68			400	100	30				96	3	540	810
15	Tiên Phước	16						3	6		1.000	420		8				80		320	322
16	Đông Giang					34			3												170
17	Tam Kỳ		3	64				25	17		201	115	74	17				25	7	1.066	500
18	Hiệp Đức	-	1	3	3	13	2	24	15	2		211	59	8	1.600	6		27	7	154	260
19	Công an tỉnh	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2.600	195	18	10	37	1.433	1.542
20	Quân sự tỉnh		22			6	1	5	2					34					7	200	500
21	Biên phòng tỉnh	5	9			14															350
Tổng cộng		148	120	435	92	504	33	346	344	90	2.111	2.852	1.339	216	33.954	323	43	689	92	8.229	11.497

Phụ lục III.
KẾ HOẠCH DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2023
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Đơn vị dự trữ	Mặt hàng lương thực, thực phẩm					Y tế			Nhiên liệu		
		Mỹ ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Các mặt hàng khác	Cơ số thuốc phòng chống thiên tai	Viên hóa chất CloramimB 250mg	Phèn chua	Xăng	diezen	dầu hỏa
I	Các doanh nghiệp làm nhiệm vụ dự trữ thiên tai	<i>thùng</i>	<i>thùng</i>	<i>tấn</i>	<i>thùng</i>	<i>tấn</i>	<i>cơ số</i>	<i>viên</i>	<i>kg</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>
1	CN Xăng dầu khu vực V tại Quảng Nam									1.000.000	800.000	30.000
2	Siêu thị Coopmart Tam Kỳ	5.000	40	25	700	100						
3	Siêu thị Go Tam Kỳ	1.000	20	15	200	100						
II	Các huyện, thành phố											
1	Huyện Nam Giang	100	50	50	100	50				45.000	10.000	5.000
2	TP. Tam Kỳ (phòng Kinh Tế)	5.000	100	100	1.000	70	10	100.000	200	50.000	50.000	50.000
3	Huyện Bắc Trà My	200	50	100	100	60				50.000	50.000	50.000
4	Huyện Phú Ninh (phòng KT-HT)	1.800	300	150	500	15				65.000	45.000	50.000
5	Huyện Phước Sơn (phòng KT-HT)	1.500	70	50	1.300	100	0			10.000	5.000	1.000
6	Huyện Hiệp Đức (phòng KT-HT)	848	28	15	628	630	5.000	3	5.000	30	95.000	102.000
7	Huyện Đại Lộc (phòng Lao động - TB và XH)	400	70	10	100	100				1.000	800	50
8	Thị xã Điện Bàn (phòng Kinh tế)	11.977	2.335	230	8.245	69				3.800	3.230	3.290
9	Huyện Duy Xuyên (phòng KT-HT)	7.000	200	450	1.500	200				60.000	30.000	8.000
10	TP. Hội An (phòng Kinh tế)	2.000	280	150	2.550	70	17			65.000	50.000	5.000
11	Huyện Thăng Bình (phòng KT-HT)	2.000	60	20	1.500	10				20.000	20.000	10.000
12	Huyện Tây Giang (phòng KT-HT)	1.600	190	33	1.400	20				10.000	10.000	1.000
13	Huyện Nam Trà My	500	100	156	20.000	19				3.000	2.000	500
14	Huyện Đông Giang	2.145	110	65	1.170	70				50.000	25.500	2.500
15	Huyện Nông Sơn	1.000	120	120	200	100				40.000	10.000	5.000
16	Huyện Núi Thành	1.500	100	100	200	100				80.000	65.000	7.000
17	Huyện Quế Sơn	2.000	200	33	3.596	100		500	200	50.000	40.000	1.000
18	Huyện Tiên Phước	1.000	140	150	300	150				55.000	85.000	6.500
Tổng cộng		48.570	4.563	2.022	45.289	2.133	5.027	100.503	5.400	1.657.830	1.396.530	337.840

Phụ lục IV.

CÁC KHU NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên khu neo đậu	Khả năng neo đậu		Địa điểm
		<90 Cv	>90 Cv	
1	Âu thuyền Cù Lao Chàm	200		Cù Lao Chàm
2	Âu thuyền Hồng Triều	500-600		Xã Duy Nghĩa, Duy Xuyên
3	Âu thuyền An Hòa	100-300		Xã Tam Quang, Núi Thành
4	Thôn 1, thôn 2, thôn 6	300		Xã Cẩm Thanh, Hội An
5	Vịnh Châu - Thanh Hà	200		Thanh Hà, Hội An
6	Thôn An Lương 2, Duy Hải; Thôn Trà Đông, Duy Vinh; dọc sông Cồ Cò phường Cẩm An, Cửa Đại; thôn Vạn Lãng, Cẩm Thanh; Thanh Nam, Cẩm Nam; khu vực còn 3 xã Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm Nam; An Hội, Minh An; Đông Hà, Cẩm Kim	1100		
7	Thôn 2 Tam Hải Cảng cá Tam Giang	200-300		
8	Thôn 1, thôn 7, Tam Tiến Thôn 5, thôn 7, Tam Hòa	300		
9	Thôn Tân An, Hà Bình, Bình Tịnh xã Bình Minh Thôn 6, thôn Duy Hà xã Bình Dương Thôn Đông Trì, Bình Hải Thôn Vịnh Giang, Phương Tân, Bình Nam	tháo máy, kéo phương tiện lên với phương tiện có công suất 15 Cv		
10	Thôn Tân Phú, Tam Phú	50		

Phụ lục V.

DI DỜI, SƠ TÁN DÂN ỨNG PHÓ VỚI GIÓ, NƯỚC BIỂN DÂNG DO BÃO MẠNH, SIÊU BẢO

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
I	Thị xã Điện Bàn	5.505	1.736	7.351			10.022	4.711	14.904		
1	Điện Minh	215	0	215		xe máy, đi bộ	251	0	251		xe máy, đi bộ
2	Vĩnh Điện	35	70	105	Nhà hàng Phú Vĩnh, UBND phường, Chùa Pháp Hoa	xe máy, đi bộ	93	253	346	Nhà hàng Phú Vĩnh, UBND phường, Chùa Pháp Hoa, Chùa Giác Quang, Trường Tiểu học Kim Đồng	xe máy, đi bộ
3	Điện An	87	0	87		xe máy, đi bộ	49	39	88	Trường Mẫu Giáo Điện An, Trường Tiểu học Phan Thành Tài, Trường THCS Phan Châu Trinh, Trạm Y tế phường Điện An, Trường Tiểu học Phan Bội	xe máy, đi bộ
4	Điện Phước	113	20	133	Nhà đa năng	xe máy, đi bộ	139	0	139		xe máy, đi bộ
5	Điện Thọ	148	0	148		xe máy, đi bộ	326	15	341	Trụ sở, nhà cộng đồng	xe máy, đi bộ
6	Điện Hồng	152	19	171	Trường MG Điện Hồng	xe máy, đi bộ	0	724	724	Trường TH Cao Bá Quát, Trụ sở UBND xã, Trường MG Điện Hồng, Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	xe máy, đi bộ
7	Điện Tiến	112	0	112		xe máy, đi bộ	0	173	173	Trường TH Hoàng Văn Thụ, Chùa Phước Châu, Trường MG cơ sở 2, UBND xã, Trường THCS Lê Văn Tám, Trường MG cơ sở 1, Trường TH Hoàng Văn Thụ cơ sở 2	xe máy, đi bộ
8	Điện Hòa	714	0	714			1047	0	1047		xe máy, đi bộ
9	Điện Thắng Nam	310	0	310		xe máy, đi bộ	368	15	383	Trụ sở, nhà cộng đồng	xe máy, đi bộ
10	Điện Thắng Trung	79	0	79		xe máy, đi bộ	110	0	110		xe máy, đi bộ
11	Điện Thắng Bắc	327	0	327		xe máy, đi bộ	392	275	667	Nhà văn hoá thôn, Trường Nguyễn Huệ, Trường Lê Trí Viễn	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
12	Điện Ngọc	690	0	690		xe máy, đi bộ	780	900	1680	Phân viện HV HCQG, Trường TH Lê Hồng Phong, Trường TH Phạm Như Xương, Trung tâm PTQĐ, Công ty CP LĐS XK Quảng Nam	xe máy, đi bộ
13	Điện Dương	449	0	449		xe máy, đi bộ	2992	0	2992		xe máy, đi bộ
14	Điện Nam Bắc	578	279	857	Trụ sở, nhà cộng đồng	xe máy, đi bộ	656	299	955	Trụ sở, nhà cộng đồng	xe máy, đi bộ
15	Điện Nam Trung	71	0	71		xe máy, đi bộ	97	0	97		xe máy, đi bộ
16	Điện Nam Đông	889	967	1856	UBND phường, THCS Đinh Châu, Trường TH Hồ Xuân Hương, Trường Cao đẳng nghề Bắc Quảng Nam	xe máy, đi bộ	1267	1201	2468	UBND phường, THCS Đinh Châu, Trường TH Hồ Xuân Hương, Trường Cao đẳng nghề Bắc Quảng Nam	xe máy, đi bộ
17	Điện Phương	194	0	194		xe máy, đi bộ	1053	102	1161	Trường THCS Nguyễn Du, Trường TH Nguyễn Văn Cừ, Trường TH Phạm Phú Thứ, Trường Mẫu giáo Điện Phương	xe máy, đi bộ
18	Điện Phong	206	221	427	Trường TH Trần Hưng Đạo cơ sở 2	xe máy, đi bộ	270	415	685	Trường TH Trần Hưng Đạo cơ sở 1,2; Trường TH Trần Quốc Toàn	xe máy, đi bộ
19	Điện Trung	110	160	380	Trụ sở UBND xã, các trường, nhà văn hóa thôn	xe máy, đi bộ	132	230	527	Trường Tiểu học Nguyễn Trọng Nghĩa, Nhà Truyền thống thôn Hòa Giang, Trường Mẫu giáo Điện Trung, Trường Mẫu giáo Khai Minh, Trường THPT Phạm Phú Thứ, Trường THCS Lê Đình Dương	xe máy, đi bộ
20	Điện Quang	26	0	26		xe máy, đi bộ	0	70	70	Các trường, nhà văn hóa thôn	xe máy, đi bộ
II	Tp. Hội An			10.805			0	16.508	16.508		
1	Xã Cẩm Kim		737	737	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, đi bộ		1.323	1.323	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, đi bộ
2	Xã Cẩm Thanh		2.540	2.540	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô		3.025	3.025	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
3	Xã Tân Hiệp		324	324	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy		681	681	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy
4	Phường Cẩm Phô		470	470	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô		1.144	1.144	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
5	Phường Thanh Hà		1.180	1.180	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô		2.211	2.211	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô
6	Phường Cửa Đại		2.718	2.718	Nhà kiên cố; Các nhà cao tầng; Trụ sở các cơ quan ban ngành của phường	Đi bộ, xe máy		3.146	3.146	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Đi bộ, xe máy
7	Phường Cẩm Nam		781	781	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô		1.540	1.540	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô
8	Phường Cẩm Châu		804	804	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô		1.798	1.798	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô
9	Phường Cẩm An		1.251	1.251	Nhà kiên cố, nhà cao tầng, các điểm sơ tán tập trung của thành phố	Đi bộ, xe máy, ô tô		1.640	1.640	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
III	Huyện Duy Xuyên			12.306				48.352	32.202	80.554	
1	Xã Duy Hải	301	200	501	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	4.594	2.055	6.649	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
2	Xã Duy Nghĩa	783	400	1.183	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	7.263	1.400	8.663	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
3	Xã Duy Vinh	1.019	1.200	2.219	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy	6.474	2.100	8.574	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy
4	Xã Duy Thành	380	250	630	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ	4.741	1.400	6.141	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
5	Xã Duy Phước	925	300	1.225	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	6.463	1.100	7.563	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
6	TT. Nam Phước	732	0	732	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ	4.544	10.500	15.044	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ
7	Xã Duy Trinh	724	550	1.274	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	2.427	1.200	3.627	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
8	Xã Duy Sơn	506	250	756	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	2.537	3.900	6.437	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
9	Xã Duy Trung	553	200	753	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	1.395	700	2.095	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
10	Xã Duy Hoà	158	0	158	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	400	397	797	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
11	Xã Duy Phú	687	500	1.187	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	1.550	2.200	3.750	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
12	Xã Duy Châu	151	0	151	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	910	1.900	2.810	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ
13	Xã Duy Tân	303	100	403	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	1.532	1.600	3.132	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ
14	Xã Duy Thu	334	800	1.134	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	3.522	1.750	5.272	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
IV	Huyện Đại Lộc	5.585	3.946	9.531			5.443	4.539	9.982		
1	Xã Đại Cường	173		173	Các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	173		173	Các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
2	Xã Đại Hiệp	1.120	162	1.282	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	1.120	162	1.282	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
3	Xã Đại Hồng	208	278	486	Nhà kiên cố, nhà văn hóa thôn Hòa Hữu Tây, chùa Đông Phước, Trường Phù Đồng, chùa Hòa Hữu, Chùa Hồng Đức	Đi bộ, xe bò, xe máy		971	971	Nhà kiên cố, nhà văn hóa thôn Hòa Hữu Tây, chùa Đông Phước, Trường Phù Đồng, chùa Hòa Hữu, Chùa Hồng Đức	Đi bộ, xe bò, xe máy
4	Xã Đại Phong		100	100	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	199		199	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
5	Xã Đại Lãnh	467		467	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	467		467	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
6	TT Ái Nghĩa		86	86	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		86	86	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
7	Xã Đại Hòa		102	102	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		102	102	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
8	Xã Đại An	448		448	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	448		448	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
9	Xã Đại Hưng	736		736	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	736		736	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
10	Xã Đại Thắng	61	180	241	Trường Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	61	180	241	Trường Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
11	Xã Đại Minh	1.100	980	2.080	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	1.100	980	2.080	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
12	Xã Đại Tân	268		268	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	268		268	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
13	Xã Đại Sơn		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
14	Xã Đại Quang	541	838	1.379	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	541	838	1.379	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
15	Xã Đại Nghĩa		341	341	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiên, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		341	341	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiên, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
16	Xã Đại Đồng	133	153	286	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		153	153	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
17	Xã Đại Thạnh	330	214	544	Hội trường thôn, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	330	214	544	Hội trường thôn, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
18	Xã Đại Chánh		251	251	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy		251	251	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy
V	Huyện Quế Sơn			6.896			0	10.688	10.688		
1	Xã Quế Phú		885	885	Trường THPT, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan đóng trên địa bàn; Các nhà xây cao tầng kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy		2.146	2.146	Trường THPT, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan đóng trên địa bàn; Các nhà xây cao tầng kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
2	Xã Quế Xuân		1.000	1.000	Trường Tiểu học; Cơ quan công sở trên địa bàn	Xe khách, xe tải, ô tô		472	472	Trường Tiểu học; Cơ quan công sở trên địa bàn	Xe khách, xe tải, ô tô
3	Xã Quế Cường		500	500	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học	Đi bộ, xe máy, xe tải		472	472	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Phú Thọ		493	493	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ		760	760	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
5	Xã Quế Thuận		238	238	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ		514	514	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
6	Xã Quế Hiệp		632	632	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		983	983	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
7	Xã Quế Long		651	651	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		856	856	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
8	TT. Đông Phú		164	164	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải		465	465	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
9	Xã Quế Châu		313	313	Trường PTTH	Xe máy, xe ô tô		530	530	Trường PTTH	Xe máy, xe ô tô
10	Xã Quế Minh		451	451	Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải		830	830	Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
11	Xã Quế An		434	434	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		751	751	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
12	Xã Quế Phong		581	581	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		923	923	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
13	Xã Quế Thọ		554	554	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		986	986	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
VI	Huyện Nông Sơn			18.532				10.354	10.548	20.902	
1	Xã Ninh Phước	3.335	865	4.200	Trường Tiểu học, THCS	Xe máy, xe tải	2.724	2.186	4.910	Trường Tiểu học, THCS	Xe máy, xe tải
2	Xã Quế Lộc	1.560	670	2.230	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	1.980	1.100	3.080	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
3	Xã Quế Lâm	850	380	1.230	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải	1.100	520	1.620	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Quế Trung	3.150	2.900	6.050	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	3.450	3.200	6.650	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
5	Xã Phước Ninh	1.982	1.040	3.022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải		3.022	3.022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
6	Xã Sơn Viên	1.320	480	1.800	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	1.100	520	1.620	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
VII	Huyện Thăng Bình			9.123				20.682	17.767	38.449	
1	Xã Bình Minh		402	402	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	2.929	749	3.678	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
2	Xã Bình Dương		46	46	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	1.625	387	2.012	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
3	Xã Bình Hải		503	503	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải	1.148	769	1.917	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Bình Tú		260	260	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	766	859	1.625	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ tại xã
5	Xã Bình Sa		214	214	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	678	258	936	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
6	Xã Bình Trị		2.185	2.185	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	603	2.471	3.074	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ
7	Xã Bình Đào		276	276	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	1.886	645	2.531	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
8	Xã Bình Triều		375	375	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	1.022	841	1.863	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
9	Xã Bình An		68	68	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	2.301	693	2.994	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
10	Xã Bình Nam		630	630	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	1.269	1.175	2.444	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
11	Xã Bình Trung		65	65	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	821	644	1.465	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
12	Xã Bình Giang		202	202	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	600	704	1.304	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
13	TT. Hà Lam		50	50	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	300	835	1.135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
14	Xã Bình Phục		113	113	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	546	557	1.103	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
15	Xã Bình Nguyên		91	91	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	489	408	897	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
16	Xã Bình Quế		680	680	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	631	1.013	1.644	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
17	Xã Bình Chánh		379	379	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	464	587	1.051	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
18	Xã Bình Phú		656	656	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	294	841	1.135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
19	Xã Bình Quý		459	459	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	1.670	1.104	2.774	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
20	Xã Bình Định		789	789	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	640	1.251	1.891	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
21	Xã Bình Lãnh		680	680	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		976	976	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
VIII	TP. Tam Kỳ			7.804			0	20.089	20.089		
1	Xã Tam Thanh		530	530	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.482	1.482	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
2	Xã Tam Phú		553	553	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.718	1.718	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
3	Xã Tam Thăng		1.164	1.164	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2.063	2.063	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
4	Xã Tam Ngọc		831	831	Sư đoàn 272; Trường CĐ KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.619	1.619	Sư đoàn 272; Trường CĐ KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
5	Phường An Phú		1.019	1.019	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2.078	2.078	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
6	Phường Hoà Hương		654	654	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.886	1.886	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
7	Phường An Sơn		414	414	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.536	1.536	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
8	Phường An Mỹ		522	522	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.829	1.829	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
9	Phường An Xuân		270	270	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		912	912	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
10	Phường Phước Hoà		209	209	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		747	747	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
11	Phường Tân Thạnh		381	381	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.276	1.276	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
12	Phường Hoà Thuận		575	575	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.425	1.425	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
13	Phường Trường Xuân		682	682	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.518	1.518	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
IX	Huyện Núi Thành			16.798			0	38.540	38.540		
1	Xã Tam Tiến		2.048	2.048	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CD KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô		4.073	4.073	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CD KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô
2	Xã Tam Hoà		462	462	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá		978	978	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá
3	Xã Tam Thạnh		947	947	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.404	1.404	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
4	Xã Tam Mỹ Tây		741	741	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô		2.010	2.010	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô
5	Xã Tam Anh Bắc		1.004	1.004	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách		2.154	2.154	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách
6	Xã Tam Xuân II		1.325	1.325	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải		3.317	3.317	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải
7	Xã Tam Giang		349	349	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách		921	921	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
8	Xã Tam Quang		1.271	1.271	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách		3.525	3.525	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách
9	Xã Tam Xuân I		1.485	1.485	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		3.753	3.753	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
10	Xã Tam Anh Nam		1.003	1.003	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		2.671	2.671	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
11	Xã Tam Hiệp		1.075	1.075	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		2.965	2.965	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
12	Xã Tam Nghĩa		1.323	1.323	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		3.465	3.465	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
13	Xã Tam Mỹ Đông		741	741	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		1.900	1.900	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
14	Xã Tam Trà		789	789	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.175	1.175	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
15	Xã Tam Sơn		1.298	1.298	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.934	1.934	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
16	Xã Tam Hải		937	937	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tỉnh; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		2.295	2.295	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tỉnh; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
X	Huyện Tiên Phước			15.191				8.115	13.853	21.968	
1	TT. Tiên Kỳ	462	1.025	1.487	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có	654	1.552	2.206	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có
2	Xã Tiên Mỹ	265	541	806	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có	401	765	1.166	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có
3	Xã Tiên Phong	248	536	784	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có	501	744	1.245	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
4	Xã Tiên Thọ	106	285	391	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Suong, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có	321	450	771	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Suong, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có
5	Xã Tiên An	865	1.621	2.486	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có	1.145	2.034	3.179	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có
6	Xã Tiên Lộc	67	148	215	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	107	270	377	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
7	Xã Tiên Lập	204	467	671	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	358	684	1.042	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
8	Xã Tiên Hiệp	268	458	726	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có	398	689	1.087	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có
9	Xã Tiên Cảnh	1.024	1.957	2.981	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có	1.784	2.340	4.124	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có
10	Xã Tiên Lãnh	594	976	1.570	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có	846	1.206	2.052	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có
11	Xã Tiên Ngọc	75	174	249	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có	157	302	459	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có
12	Xã Tiên Châu	147	245	392	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có	194	360	554	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có
13	Xã Tiên Sơn	164	301	465	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có	236	459	695	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có
14	Xã Tiên Cẩm	98	211	309	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có	148	333	481	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có
15	Xã Tiên Hà	614	1.045	1.659	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có	865	1.665	2.530	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có
XI	Huyện Phước Sơn	2.103	2.409	4.512			2.117	3.982	6.118		
1	Xã Phước Lộc	6	52	58	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô	20	100	120	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô
2	Xã Phước Thành	220	310	530	Trụ sở UBND xã	Ô tô	220	310	530	Trụ sở UBND xã	Ô tô
3	Xã Phước Kim	85	0	85	Trụ sở UBND xã	Ô tô	85	150	235	Trụ sở UBND xã	Ô tô
4	Xã Phước Công	96	45	141	Trụ sở UBND xã	Ô tô	96	120	216	Trụ sở UBND xã	Ô tô
5	Xã Phước Mỹ	265	0	265	Trụ sở UBND xã	Ô tô	265	100	365	Trụ sở UBND xã	Ô tô
6	Xã Phước Năng	265	0	265	Trụ sở UBND xã	Đi bộ	265	200	465	Trụ sở UBND xã	Đi bộ
7	Xã Phước Hòa	160	0	160	Trụ sở UBND xã	Ô tô	160	250	410	Trụ sở UBND xã	Ô tô

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
8	Thị trấn Khâm Đức	263	0	263	Trụ sở UBND xã	Ô tô	263	400	663	Trụ sở UBND xã	Ô tô
9	Xã Phước Xuân	215	0	215	Trụ sở UBND xã	Ô tô	215	350	565	Trụ sở UBND xã	Ô tô
10	Xã Phước Đức	0	573	573	Trụ sở UBND xã	Ô tô	0	573	573	Trụ sở UBND xã	Ô tô
11	Phước Chánh	528	528	1.056	Trụ sở UBND xã	Ô tô	528	528	1.056	Trụ sở UBND xã	Ô tô
12	Xã Phước Hiệp	0	901	901	Trụ sở UBND xã	Ô tô	0	901	920	Trụ sở UBND xã	Ô tô
XII	Huyện Đông Giang			4.209			6.738	843	7.581		
1	Xã Tư	116	39	155	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	232	39	271	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
2	Xã Ba	507	4	511	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	1.015	4	1.019	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
3	Xã Jơ Ngây	391	0	391	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	782	0	782	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
4	Xã Ating	292	228	520	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	585	228	813	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
5	Xã Sông Kôn	400	73	473	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	800	73	873	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
6	Xã Tà Lu	163	64	227	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	327	64	391	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
7	TT Prao	479	39	518	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	959	39	998	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
8	Xã Za Hung	159	82	241	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	318	82	400	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
9	Xã A Rooi	307	116	423	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	615	116	731	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
10	Xã Mả Cooih	273	13	286	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	546	13	559	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
11	Xã Kà Dăng	279	185	464	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	559	185	744	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
XIII	Huyện Hiệp Đức	2.300	4.168	6.468			3.630	4.928	8.558		
1	Thăng Phước	1200	300	1500	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	1500	500	2000	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy
2	Quế Thọ		312	312	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		312	312	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
3	Tân Bình		750	750	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		750	750	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
4	Hiệp Thuận		70	70	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		70	70	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
5	Bình Lâm		840	840	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		840	840	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
6	Bình Sơn		623	623	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		623	623	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
7	Hiệp Hòa	100	50	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	130	60	190	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
8	Quế Lưu	1000	550	1550	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	2000	1100	3100	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
9	Sông Trà		233	233	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		233	233	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
10	Phước Trà		150	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		150	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
11	Phước Gia		290	290	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		290	290	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
XIV	Huyện Nam Trà My			15.604			2.062	25.296	27.358		
1	Trà Mai	350	100	450	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc	420	130	550	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc
2	Trà Tập	50	230	280	Trụ sở UBND	Tự túc	63	290	353	Trường THCS	Tự túc
3	Trà Đơn	70	350	420	Trụ sở UBND	Tự túc	82	420	502	Trụ sở UBND	Tự túc
4	Trà Nam	20	320	340	Trụ sở UBND	Tự túc	31	390	421	Trụ sở UBND	Tự túc
5	Trà Linh	15	170	185	Trạm Y tế xã	Tự túc	26	230	256	Trạm Y tế xã	Tự túc
6	Trà Vân	25	300	325	Trụ sở UBND	Tự túc	33	380	413	Trụ sở UBND	Tự túc
7	Trà Vinh	22	250	272	Trụ sở UBND	Tự túc	29	320	349	Trụ sở UBND	Tự túc
8	Trà Cang	20	450	470	Trụ sở UBND	Tự túc	34	540	574	Trụ sở UBND	Tự túc
9	Trà Đơn	150	400	550	Trụ sở UBND	Tự túc	170	470	640	Trụ sở UBND	Tự túc
10	Trà Leng	80	370	450	Trụ sở UBND	Tự túc	94	430	524	Trụ sở UBND	Tự túc
XV	Huyện Tây Giang			11.862			1.080	21.696	22.776		
1	Ch'om	50		50	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy	78	21	99	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy
2	Gary	45		45	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy	89	32	121	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy
3	Axan	42		42	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	80	34	114	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy
4	Tr'hy	37		37	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	112	21	133	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
5	Lãng	52		52	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	đi chuyển bộ và xe máy	135	45	180	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	đi chuyển bộ và xe máy
6	Atiêng	48		48	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, các cơ quan tại trung tâm huyện	đi chuyển bộ và xe máy	120	39	159	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, các cơ quan tại trung tâm huyện	đi chuyển bộ và xe máy
7	Anông	31		31	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Đồn Biên phòng, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	đi chuyển bộ và xe máy	87	32	119	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Đồn Biên phòng, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	đi chuyển bộ và xe máy
8	Bhalêê	64		64	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	đi chuyển bộ và xe máy	64		64	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	đi chuyển bộ và xe máy
9	Avuong	75		75	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	đi chuyển bộ và xe máy	147	55	202	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	đi chuyển bộ và xe máy
10	Dang	89		89	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	đi chuyển bộ và xe máy	168	69	237	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	đi chuyển bộ và xe máy
XVI	Huyện Phú Ninh			11.329			0	21.348	21.348		
1	Tam An	2.050	1.318	3.368	UBND xã, bệnh xá BDBP, Trung tâm huấn luyện BDBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		5.368	5.368	UBND xã, bệnh xá BDBP, Trung tâm huấn luyện BDBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng
2	Tam Đàn	1.200	1.300	2.500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đàn và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		3.500	3.500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đàn và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
3	Tam Phước	400	200	600	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng		1.500	1.500	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng
4	Tam Thành	150	331	481	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng		1.400	1.400	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng
5	Tam Lộc	200	450	650	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		1.200	1.200	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
6	Tam Vinh	170	350	520	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng		1.300	1.300	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng
7	Tam Dân	500	346	846	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		2.000	2.000	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
8	Tam Thái	200	250	450	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng		950	950	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng
9	Tam Đại	320	220	540	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng		800	800	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng
10	Tam Lãnh	230	224	454	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		830	830	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kê, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
11	TT Phú Thịnh	510	410	920	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng		2.500	2.500	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng
XVII	Huyện Bắc Trà My			8.530				12.800	12.800		
1	Trà Sơn		1.160	1.160	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.400	1.400	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
2	Trà Kết		305	305	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
3	Trà Núi		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		700	700	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
4	Trà Đông		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		700	700	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
5	Trà Dương		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		750	750	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
6	Trà Giang		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		750	750	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
7	Trà Bui		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		2.000	2.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
8	Trà Đốc		550	550	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.000	1.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
9	Trà Tân		600	600	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.000	1.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
10	Trà Giác		1.250	1.250	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.500	1.500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
11	Trà Giáp		600	600	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
12	Trà Ka		540	540	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
13	Thị trấn Bắc Trà My		725	725	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		900	900	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
XVIII	Huyện Nam Giang	1.514	630	2.144			2.858	2.221	5.079		
1	Thanh Mỹ	500	300	800	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ	1.000	600	1.600	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
2	Cà Dy	250	140	390	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ	600	350	950	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
3	Tà Bhing	200	120	320	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Xe máy, đi bộ	500	300	800	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
4	Tà Pơr	150	70	220	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	250	110	360	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
5	Chà Vål	72		72	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	80	83	163	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
6	Đắc Tôi	45		45	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	50	52	102	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
7	Zuôih	42		42	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	82	175	257	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
8	Đắc Pre	46		46	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	61	155	216	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
9	Đắc Pring	48		48	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	57	56	113	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
10	La Dêê	60		60	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	64	122	186	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
11	La Ê	53		53	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	62	94	156	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
12	Chợ Chun	48		48	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	52	124	176	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
Tổng cộng		17.007	12.889	178.995			121.453	262.559	384.202		

Phụ lục VI.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ, NGẬP LỤT

Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
I	Duy Xuyên	955	55	2.127	1.718	2.307	5.092	
1	Duy Phú	85		85		85	160	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
2	Duy Thu	75		427	603		1.215	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
3	Duy Tân	78		87	138	134	269	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
4	Duy Hòa	158		149		400	397	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
5	Duy Châu	117	25	211	39	122	33	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
6	Duy Trinh			139	152	158	401	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
7	Duy Sơn			87			160	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
8	Duy Trung	62		265		448	289	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
9	TT Nam Phước		30		485		1.200	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
10	Duy Phước	70		70	21	92	70	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
11	Duy Thành	310		310	210	520	510	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
12	Duy Vinh			234		234	157	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
13	Duy Nghĩa			63	70	114	231	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
14	Duy Hải							
II	Hội An			2.694		2.694		
1	Sơn Phong							Trường học, trụ sở
2	Cẩm Kim			700		700		Trường học, trụ sở
3	Cẩm Nam			290		290		Trường học, trụ sở
4	Minh An			250		250		Trường học, trụ sở
5	Thanh Hà			192		192		Trường học, trụ sở
6	Cẩm Châu			292		292		Trường học, trụ sở
7	Cẩm Thanh			450		450		Trường học, trụ sở
8	Cẩm Phô			420		420		Trường học, trụ sở
9	Cẩm Hà			100		100		Trường học, trụ sở
III	Điện Bàn	228		747		2.453	1.151	
27	Điện Minh			57		123		
28	Vĩnh Điện					60	25	Nhà hàng Phú Vĩnh, Chùa Pháp Hoa
29	Điện An			87		49	39	Trường học, UBND, Trạm y tế
30	Điện Phước					122	20	Nhà đa năng
31	Điện Thọ			105		191	37	Trụ sở cơ quan, gò đồi
32	Điện Hồng					152	19	Trường MG Điện Hồng
33	Điện Tiến					35		
34	Điện Hòa							
35	Điện Thăng Nam			24		55	7	Trụ sở cơ quan, gò đồi
36	Điện Thăng Trung					33		
37	Điện Thăng Bắc			85		286		
38	Điện Ngọc							
39	Điện Dương							
40	Điện Nam Bắc					428	267	Trụ sở cơ quan, gò đồi
41	Điện Nam Trung					32		
42	Điện Nam Đông					242	442	UBND phường, Trường THCS Đinh Châu, Nhà Văn hóa 7A, Đoàn Công an phường, Trường CĐ Quảng Nam
43	Điện Phương	123		234		427		
44	Điện Phong					37		
45	Điện Trung	105		155		155	295	Trụ sở UBND xã, các trường, nhà văn hóa thôn
46	Điện Quang					26		

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
IV	Đại Lộc	1.439	2.164	3.191	4.547	4.886	5.334	
1	TT Ái Nghĩa					92		Các nhà cao lứt
2	Đại An	141		141		141		Các nhà cao lứt
3	Đại Chánh					139		Các nhà cao lứt
4	Đại Cường	173		173		173		Nhà văn hóa thôn, đình làng, các trường, trung tâm xã
5	Đại Đồng	111	258	182	369	246	475	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, các gò cao, nhà văn hóa thôn, các trường học, chùa
6	Đại Hiệp	51		117		192		Trường tiểu học, trường Trần Phú, trường mầm non Đại Hiệp
7	Đại Hòa	43	19	48	38	102	57	Đình làng Giao Thủy, các nhà cao lứt
8	Đại Hồng		610		919		980	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, trường Nguyễn Minh Chấn, Phủ Đồng, HTX Đại Hồng, Trạm y tế xã, các Chùa Dục Tịch, Lục Nam, Đông Phước
9	Đại Hưng					736		Nhà cao lứt
10	Đại Lãnh					466		Nhà cao lứt
11	Đại Minh	20	289	1.100	980	1.100	980	Chùa Phú An, thánh thất Cao Đài
12	Đại Nghĩa	90	80	168	80	179	127	Trường Đoàn Nghiên, độc Quốc lộ 14B, Núi Kính, Gò Ua, các trường, nhà văn hóa thôn
13	Đại Phong	435		435		435		Nhà cao lứt
14	Đại Quang	249	443	541	838	541	838	Các nhà kiên cố, UBND xã, đình làng Phương Trung, các trường học, hợp tác xã
15	Đại Tân				309		309	Các nhà văn hóa, nhà kiên cố, TH Đoàn Trị, UBND xã, Gò Báy, Nông ông Nho, gò Cẩm Đồi, gò Bà Đề
16	Đại Thắng	38	115	138	428	135	428	Trường Đoàn Quý Phi (cơ sở 2), nhà văn hóa thôn Xuân Đông, Phú Long
17	Đại Thạnh	88	64	148	84	209	128	Nhà cao lứt, nhà văn hóa thôn An Bằng, Mỹ Lễ
18	Đại Sơn		286		502		1.012	Gò Cầu Phà, nhà văn hóa thôn, gò ông Ngừ, trạm y tế, cụm mẫu giáo
V	Phước Sơn			365	1.093	638	1.396	
1	Thôn 2,4 xã Phước Thành					140	330	
2	Thôn 2,3 xã Phước Kim					195		
3	Thôn 1,2 xã Phước Công			96	45	65	153	Trụ sở UBND xã; điểm trường TH Chánh- Công, Nhà văn hóa thôn
4	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Chánh				167		167	Trụ sở UBND xã; điểm trường, Nhà văn hóa thôn
5	Thôn 1,2,3 xã Phước Mỹ			216	162	216	162	Trường THCS xã
6	Thôn 3 xã Phước Năng			31	250		67	Điểm trường thôn, nhà làng
7	Thôn 2 xã Phước Hòa			22	45	22	93	Trường tiểu học xã
8	Thôn 1,2,4 xã Phước Đức				108		108	Nhà Làng thôn 1; Trường Mẫu giáo Hoà Mỹ và trường TH&THCS Kim Đồng điểm thôn 2
9	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Hiệp				316		316	Các điểm trường, nhà văn hóa thôn trên địa bàn
VI	Tiên Phước			730	1.907	3.338	4.282	Trụ sở UBND xã
1	Tiên Lãnh			95	575	507	801	Trường mẫu giáo, Nhà văn hóa thôn 4,5; trường cấp 1, núi Dương Thờ và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lứt
2	Tiên Cảnh			240	180	545	440	Trường tiểu học Tiên Cảnh, trường Lê Thị Hồng Gấm, trạm Y tế xã và Nhà sinh hoạt Văn hóa xã, trường tiểu học Tiên Cảnh 2 và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lứt, Nhà văn hóa thôn 1, trường tiểu học Tiên Cảnh 1
3	Tiên Châu			92		400	263	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lứt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi
	Tiên Hà			118		420	486	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lứt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Lê Hồng Phong
4	Tiên An			45		510	380	Trường mẫu giáo thôn 1, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, khu tái định cư thôn 1 và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lứt; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, 3, trường THCS Nguyễn Viết Xuân, UBND xã, trường tiểu học thôn 4, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 4

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
5	TT Tiên Kỳ			140	1.152	956	1.912	Di dời đến chùa Tế Nam, chùa Hữu Lậm và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt, trường Lý Tự Trọng, UBND thị trấn, Phòng GD&ĐT, Trung tâm hành chính huyện, huyện đội, trung tâm hướng nghiệp, huyện ủy, trung tâm y tế huyện, trường THPT Phan Châu Trinh
VII	Phú Ninh	255		1.612	337	4.842	3.017	
1	Tam An	87		920	87	2.234	816	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, Trụ sở UBND xã, Trường TH Nguyễn Trãi, Tiểu đoàn 19-HLBĐBP, Bệnh xá Biên phòng
2	Tam Dân					136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)
3	Tam Đại						1.129	Các trường TH Thái Phiên, MG Bình Minh, HT UBND xã, Nhà SHVH các thôn Đại Hanh (cũ), Phước Thượng (cũ), Đại An (cũ)
4	Tam Đàn			470	250	2.250	750	Nhà văn hóa xã; trường tiểu học Võ Thị Sáu phân hiệu 1, 2; nhà văn hóa thôn Phú Mỹ, Xuân Trung cũ
5	Tam Lãnh	158		212		212		
6	Tam Lộc	10		10		10		
7	Tam Thái							Các trường: TH Kim Đồng, THCS Phân Tây Hồ, MG Anh Đào
8	Tam Thành						203	Nhà văn hóa các thôn Tú Hội, Phú Văn
VIII	Thăng Bình			5.514	2.289	6.014	2.689	
1	Bình Nam			641,00	318,00	641,00	318,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
2	Bình Hải			757,00	134,00	757,00	134,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
3	Bình Sa			200,00	80,00	200,00	80,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
4	Bình Đào			343,00	158,00	343,00	158,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
5	Bình Minh			459,00	312,00	459,00	312,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
6	Bình Dương			200,00	223,00	200,00	223,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
7	Bình Giang					400,00	400,00	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
8	Bình Triều			734,00		734,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
9	Bình Phục			100,00		200,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
10	Bình Nguyên				66,00		66,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
11	TT Hà Lam			50,00		50,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
12	Bình Tú			236,00	34,00	236,00	34,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
13	Bình Trung			256,00	83,00	256,00	83,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
14	Bình An			900,00	400,00	900,00	400,00	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
15	Bình Quế				40,00		40,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
16	Bình Chánh			100,00		100,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
17	Bình Quý			75,00	367,00	75,00	367,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
18	Bình Định Bắc			45,00	6,00	45,00	6,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
19	Bình Định Nam			14,00		14,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
20	Bình Trị			270,00	68,00	270,00	68,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
21	Bình Phú							Trường học, UBND xã, NVH thôn
22	Bình Lãnh			134,00		134,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
IX	Tam Kỳ			7.737	5.834	1.744	46.894	
1	Tân Thạnh			1537			14008	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
2	Phước Hòa			260			1261	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
3	An Mỹ				186		2195	Trường: K.Đồng, CĐ nghề Asean, CĐ y.tế, H.H.Tập, công an thành phố, UBND phường, chùa Hòa Quang.
4	Hòa Hương			1928		394	1534	TTTT tỉnh, Trường Nguyễn Huệ, Trường Hồng Gấm, Trạm Y tế phường, Chùa Diệu Quang, Chùa Tịnh Độ, UBND phường, Công ty MTĐT Q.Nam,
5	An Xuân			44			312	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
6	An Sơn			60	1415		9273	Trường: P.B.Châu, L.V.Tám, KTKT Q.Nam, Dạy nghề nông dân, nhà thiếu nhi, Cục thuế tỉnh, TT y tế thành phố, Công ty XD và PT CSHT.
7	Trường Xuân			96			120	Cụm CN Trường Xuân, Trường TH Hùng Vương, UBND phường
8	An Phú			112	112	1350	1350	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
9	Hoà Thuận			854			2660	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
10	Tam Thanh			68			246	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
11	Tam Thăng			886			3786	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)	
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3			
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung		
12	Tam Phú			1760	4121		9169	Trường: L.T.Kiệt, N.V.Xuân, Anh Đào, UBND xã, Trường Quân Sự.	
13	Tam Ngọc			132			980	Nhà văn hóa thôn, Lữ đoàn 270, Trường Trần Quý Cáp, Trường Mẫu giáo xã.	
X	Núi Thành			141	576		9.822		
1	Tam Nghĩa						120	Trường mẫu giáo thôn, chùa Hòa Mỹ	
2	TT Núi Thành				101		101	Trường THPT Nguyễn Huệ, TH Võ Thị Sáu	
3	Tam Hiệp						314	Trường THCS Trần Cao Vân, THPT Nguyễn Huệ	
4	Tam Mỹ Đông			141	196		82	Trường MG Hương Dương, THCS Nguyễn Trãi	
5	Tam Anh Nam						493	Trường THCS Nguyễn Hiền, TH Nguyễn Hiền, THCS Nguyễn Khuyến	
6	Tam Anh Bắc						601	Trường TH Trần Văn Ôn, THCS Lương Thế Vinh	
7	Tam Xuân 1						1640	Trường TH Lê Văn Tám, THCS Lý Thường Kiệt	
8	Tam Xuân 2						1115	Trường THPT Cao Bá Quát, TH Nguyễn Văn Trỗi	
9	Tam Mỹ Tây						695	Nhà văn hóa thôn, Gò Quánh, chùa Thạnh Mỹ, Gò Bộ, Gò Nha, Gò Mít	
10	Tam Thanh						92	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	
11	Tam Hòa						2142	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, TH Trần Đại Nghĩa, TH Nguyễn Thái Bình, THCS Phan Bá Phiến	
12	Tam Tiến						1478	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Ngô Mây, THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Phan Bá Phiến, UBND xã	
13	Tam Hải				279		949	Nhà trú bão thôn, trường THCS Nguyễn Chí Thanh	
XI	Bắc Trà My			20			1700	2560	
1	Thị trấn TM						250	400	Trường học, UBND xã, NVH thôn
2	Trà Nú						120	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn
3	Trà Kót						40	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
4	Trà Dương						240	300	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
5	Trà Đông						120	160	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
6	Trà Giang						150	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
7	Trà Sơn						150	50	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
8	Trà Tân			20			150	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
9	Trà Đốc						150	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
10	Trà Bui						130	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
11	Trà Giác						50	250	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
12	Trà Giáp						50	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
13	Trà Ka						100	300	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
XII	Nam Giang	790	135	908	180		1187	198	
1	Thị trấn Thạnh Mỹ	262	72	250	95		394	102	Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
2	Cà Dy	192	63	240	85		321	96	Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
3	Tà Bhing	12		15			20		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
4	Tà Pơ	16		20			25		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
5	Chà Vål	62		66			75		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
6	Đắc Tôi	35		45			50		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
7	Zuôi h	45		50			60		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
8	Đắc Pre	32		38			42		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
9	Đắc Pring	21		36			41		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
10	La Dêê	49		51			52		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
11	La Ê	41		59			65		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
12	Chơ Chun	23		38			42		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
XIII	Hiệp Đức	515	525	1310	2061		2792	4358	
1	Bình Lâm							15	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
2	Quế Thọ	15		71	78		219	176	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
3	Bình Sơn		25		97			183	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
4	Thăng Phước			155	160		300	270	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
5	Tân Bình			69	701		202	1837	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
6	Hiệp Thuận			15	25		340	216	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
7	Hiệp Hòa						231	100	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
8	Quế Lưu	500	500	1000	1000		1500	1500	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
9	Sông Trà							61	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
XIV	Quế Sơn			1700	800		4000	3200	

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
1	Xã Quế Phú			500	200	700	500	
2	xã Quế Xuân 2			400	200	1000	400	
3	Xã Quế Xuân 1			600	300	1000	800	
4	Thị trấn Hương An			200	100	500	400	
5	Xã Quế Mỹ							
6	Xã Quế Thuận					200	300	
7	Xã Quế Hiệp							
8	Xã Quế Long							
9	TT. Đông Phú					100	200	
10	Xã Quế Châu					200	300	
11	Xã Quế Minh					100	100	
12	Xã Quế An					100	100	
13	Xã Quế Phong					100	100	
Tổng cộng		4.182	2.879	28.796	21.342	38.595	89.993	

Phụ lục VII.

THỐNG KÊ SƠ TÁN DÂN KHU VỰC CÓ NGUY CƠ SẠT LỠ ĐẤT

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán	
			Xen ghép	Tập trung		
I	TÂY GIANG			955		
1	Ch'Om	Thôn H'jủh		50	Trường mầm non, nhà Gươl	
		Thôn Dung		60		
2	Gari	Thôn Arooi		20		
		Thôn Ating		50		
		Thôn Dading		20		
		Thôn Pút		15		
3	Axan	Thôn Ga'nil		25		
4	Tr'hy	Thôn Abaanh II		15		
		Thôn Ariêu		16		
5	Lăng	Thôn Nal		15		Hội trường UBND xã, trạm y tế, nhà Gươl
		Thôn Por'ning		28		
		Thôn Tà'ri		15		
6	Bhalêê	Thôn Adzóc		180		
		Thôn Bloóc		20		
		Thôn Ta Lang		120		
		Thôn R'cung		50		
7	Avuong	Thôn Ga'lâu		35	Trường mầm non, nhà Gươl	
		Thôn Xa'oi		48		
8	Dang	Thôn Alua		26	Trường mầm non, nhà Gươl và một số nhà kiên cố trong thôn	
		Thôn Arui		120		
		Thôn Atur		27		
II	HIỆP ĐỨC			1.497		
1	Tân Bình	KP An Nam		70	Viện KSND huyện	
		KP An Tây		63	UBND huyện	
2	Thăng Phước	Thôn An Phú	23	0	Nhà dân: ông Nguyễn Văn Sáu, bà Lê Thị Thuỳn	
3	Quê Thọ	Thôn Bắc An Sơn		20	Nhà SHCD thôn	
		Thôn Phú Bình		9	Nhà SHCD thôn	
4	Bình Lâm	Thôn An Phổ		252	Nhà văn hóa thôn, Trường TH phân hiệu Lý Tự Trọng	
		Thôn Ngọc Chánh		15	Nhà SHCD thôn	
5	Bình Sơn	Thôn An Phú		16	Nhà SHCD (thôn 3 cũ)	
		Thôn Tuy Hòa		32	Nhà SHCD thôn	
6	Hiệp Hòa	Thôn Trà Linh Đông		40	Nhà SHCD thôn	
		Thôn Trà Linh Tây		120	Nhà SHCD thôn	
7	Hiệp Thuận	Thôn Tân Thuận		248	UBND xã, Trạm Y tế, Trường THCS Lê Văn Tám phân hiệu Hiệp	
8	Quê Lưu	Thôn Phú Nhơn	50	100	Nhà SHCD thôn	
9	Sông Trà	Thôn Trà Huỳnh		15	Nhà SHCD thôn	
10	Phước Trà	Thôn Trà Nhan		130	Nhà Rộng Làng Ông Tía	
		Thôn Trà Nô		65	UBND xã	
		Thôn Trà Hân		42	Nhà SHCD thôn	
11	Phước Gia	Thôn Gia Cao		260	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	
III	THĂNG BÌNH			524		
1	Bình Dương	Thôn 3		200	UBND Xã	
		Thôn 1				
2	Bình Phú	Đập Phước Hà/ thôn Phước Hà		100	Gò Đá Trắng	
3	Bình Lãnh	Đập Cao Ngạn/ Thôn 5		98	Núi Chóp Chài	
4	Bình Nam	Bến Lố/Bình Nam		126	Điểm cao 21	
IV	BẮC TRÀ MY		2.590	2.590		
1	Thị trấn Trà My					
	Mậu Cà	Đồi gần Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	25	10	Nhà dân, Trụ sở TDP Mậu Cà	
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 1)	25	10	Nhà dân, Trụ sở TDP	
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 2)	0	0		
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 3)	10	0	Nhà dân	
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 1)	10	10	Nhà dân, TDP đàng bộ	
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 2)	20		Nhà dân	
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 3)	110	50	Nhà dân, TDP	
	Đồng Bàu	Đồi Bảo An	200	40	Nhà dân, Trạm y tế thị trấn	
	Đồng Bàu	Trạm Khí tượng	50	0	Nhà dân	
	Đồng Bàu	Dọc đường Nam Quảng Nam	10		Nhà dân	
	Trần Dương	Tuyến đường Chu Huy Mân	100	20	Nhà dân, TDP trần dương	
2	Xã Trà Giang					
	Thôn 1	Khu vực từ nhà Hạnh Nhó	60	10	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ	
	Thôn 1	Khu vực nhà ông Nguyễn Thành Phương	30	5	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ	
	Thôn 1	Khu vực nhà Đình Văn Đồi	20	10	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ	

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
	Thôn 1	Khu vực Nhà ông Nguyễn Văn Công		25	NVH thôn 3 cũ
	Thôn 1	Khu vực Nhà Ông Quang - ông Thanh		35	NVH thôn 2
	Thôn 2	Khu vực Nhà ông Đình Văn Thu	100	20	Nhà dân, trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	Khu vực nhà 7 Nhâm	60	10	Trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	KV nhà ông Dũng PBT	10	10	Nhà dân, nhà vH thôn
	Thôn 2	Khu vực nhà ông Ngô Quang Trung	40	20	Trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	Đầu cầu 14 (ông Hương)	4		Nhà dân
	Thôn 3	Khu vực từ hộ Ông Đỗ Văn Tăng đến hộ Bà Hồ Thị Kim Hiền	20	10	Nhà dân, nhà bán trú trường cấp 3
	Thôn 3	Khu vực hộ ông Trần Nhánh đến khu vực hộ Ông Trương Văn Kết	15	20	Nhà dân, NVH thôn 5 cũ
3	Trà Sơn				
	Long sơn	Ngã 3 nhà truyền thống	15		Nhà dân
	Long sơn	Cổng cao sơn	0		Nhà dân
	Long sơn	Nóc ông Xô	20		Nhà dân
	Long sơn	KV nhà ông Thủy	20		Nhà dân
	Long sơn	Dưới chân trụ BTS	10		Nhà dân
	Long sơn	KV nhà bà Trị	15		Nhà dân
	L. Bình Phương	Khu gần Trung tâm xã	100	100	Nhà dân, UBND xã
	Tân Hiệp	Tổ 3 Tân Hiệp		50	UBND xã
4	Trà Tân				
	Thôn 3	Ngã 3 Trà Tân-Trà Đốc		100	NVH thôn , Nông trường cao su
	Thôn 1	Nóc ông Xem (thôn 7 cũ)		30	Nhà VH thôn 7 cũ
	Thôn 3	Từ đập chính đến điểm sạt cũ (4 điểm)	0	0	
5	Trà Giác				
	Thôn 1	Ngã 3 Trà Giác	4		BQL rừng Trà Giác
	Thôn 1	KV thôn 1 mới (T5 cũ)		25	UBND xã
	Thôn 1	KV khối 2 (dọc TSD)	10		Nhà dân
	Thôn 1	Khu trạm gác bVR cũ		25	Điểm trường Trần Cao Vân cũ, UBND xã
	Thôn 1	Ngã 3 đi Đà Lạt		25	UBND xã
	Thôn 1	Khối 3	50		Nhà dân
	Thôn 2	Nóc ông Diêu	10	20	Nhà dân, Trường Trần Cao Vân thôn 2
	Thôn 2	Nóc ông Đoàn	25	20	Điểm trường Trần Cao Vân thôn 2, nhà dân
	Thôn 2	Nóc ông Yên	100	25	Nhà dân, Điểm trường TCV
	Thôn 3	Dọc theo sông Y khu Nà Mít		25	Điểm trường tCV
	Thôn 4	Nóc ông Tiểu		80	UBND xã
	Thôn 4	Nóc ông Dế	30	10	Nhà dân, UBND xã
	Thôn 4	Nóc ông Ánh	70	15	Nhà dân, UBND xã
6	Xã Trà Giáp				
	Thôn 1	Tổ 11, tổ 12 thôn 1 cũ	76	20	Nhà dân, điểm trường TH Trà Giáp
	Thôn 1	Đồi Cáp Lu - Tổ 4 (nhà bà Hiệp)	60		Nhà dân
	Thôn 2	Tổ 11, tổ 12 thôn 3 cũ		60	Trường xã cũ
	Thôn 2	Đồi Nước Rót tổ 14 (Nóc ông Âu) trước UB xã		90	UBND xã
	Thôn 2	Tổ 13, tổ 14 kề nóc ông Âu		25	UBND xã
	Thôn 2	Khu ngoại thương	220	30	Nhà dân, điểm trường ngoại thương
	Thôn 3	Nóc ông giáo, nóc ông Hàm thôn 4 cũ		58	Điểm trường tiểu học thôn 4
	Thôn 3	Nóc ông Thơm	55	30	Điểm trường tiểu học thôn 5, nhà dân
7	Xã Trà Ka				
	Thôn 1	Khu vực nóc Xã Nu dọc suối Riêng		35	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Khu trung tâm UBND xã và tổ 3,4 thôn 1B đến nhà bà Thơm Xã Nu		135	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ nhà ông Linh đến nhà ông Tùng,		60	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ ông Xuyên - ông Tường		30	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ bà Gương - Báo Quốc MR đến ông Viên		85	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 2	Trường Hoàng Văn Thụ cũ		211	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 2	Khu vực nóc ông Sơn, thôn 2		20	UBND xã, Trường THCS mới
8	Xã Trà Đốc				
	Thôn 1	Trượt lở: Khu nóc ông Liên cũ (tổ 2)		39	Trường THCS LHPhong
	Thôn 1	Nóc ông Đéo		55	Đồn Xã Đốc

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
	Thôn 2	Khu nhà ông Long đến nhà ông Thịnh		30	UBND xã
	Thôn 2	Khu nhà bà Hương-Vũ	14		Nhà dân
	Thôn 2	Khu nóc ông Bông	25		Nhà dân
	Thôn 2	Điểm sạt gần đường TĐC T3 cũ	0	0	
	Thôn 3	Nóc ông Đanh (thôn 4 cũ)	13		Nhà dân
	Thôn 3	Khu nhà ông Tiến	10		Nhà dân
9	Xã Trà Bui				
	Thôn 1	Tổ 4 Nóc ông Phong	66	20	Nhà dân, điểm trường nóc ông Phong
	Thôn 2	Nóc Sơ rơ	30		Nhà dân.
	Thôn 3	Tổ Bà Phi	50		Nhà dân.
	Thôn 3	Khu vực nhà Hồng Hà	15		Nhà dân.
	Thôn 3	Khuc Vực dọc sông Bui (ông Dũng)	50		Nhà dân.
	Thôn 3	Khu vực Nước lía	95		Nhà dân.
	Thôn 5	Khu vực ông Đình Văn An	30	35	Nhà dân, NVH thôn 5
	Thôn 5	Khu vực di dời mới	45		Nhà dân
10	Xã Trà Dương				
	Dương Lâm	Bằng hầm	100	17	Nhà dân, NVH thôn 5 cũ
	Dương Trung	Khu đôi sau nhà Bà Nguyễn Thị Diệu		12	Nhà VH thôn Dương Trung
	Dương Đông	Núi Đơát	130	20	Nhà VH thôn, nhà dân
	Dương Thanh	khu vực nguy cơ sạt lở đất, giáp Thị trấn		15	Nhà VH thôn
	Dương Trung	Đốc Đàm		0	
11	Xã Trà Đông				
	Đình Yên	Khu vực nhà bà Thu	12		Nhà dân
	Đình Yên	Khu Vực vườn thom	16		Nhà dân
	Phuong Đông	Khu vực Đá Bà		16	UBND xã
	Thanh Trước	Khu vực xóm nhà ông Đỗ Ngọc Châu (Tổ Hòa An)	10	10	Nhà dân, UBND xã
12	Xã Trà Núi				
	Thôn 1	Khu vực nóc 2		135	UBND xã
	Thôn 1	Khu vực đôi Mô Có		50	UBND xã
	Thôn 2	Khu vực đôi Hai Vú	60	100	Nhà dân, Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Khu vực thôn 3 cũ		42	Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Núi trước UB		150	Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Lờ bờ kè trước UB		50	UBND xã
13	Xã Trà Kót				
	Thôn 1	KV gần nhà ông Phạm Lân, thôn 1		20	Nhà VH thôn 1
	Thôn 1	KV nhà ông Ca	10		Nhà dân
	Thôn 2	Gần nhà Văn hóa thôn 5 cũ		20	Nhà VH thôn 5 cũ
V	TIỀN PHƯỚC			592	
1	Tiền Lãnh	Sông Tum thôn 1 và thôn 5	115	170	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
2	Tiền Cảnh	Rây Tranh lớn thôn 1, ven chân đồi ở các thôn	178	180	Trường TH Minh Viên, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1
3	Tiền An	Núi Đầu Voi thôn 1 và thôn 2 và các hộ ven sông	114		Khu tái định cư mới tại thôn 1 và thôn 2, trường tiểu học
4	Tiền Châu	Hồ Rắn thôn Thanh Bôi	58		Trường Tiểu học tại thôn Thanh Bôi
5	Tiền Hà	Các thôn dọc sông Tiên		170	Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, trụ sở UBND, trường tiểu học
6	TT Tiên Kỳ	Núi Động sinh thôn Hữu Lâm và núi đồi Cao thôn An Đông		72	Nhà sinh hoạt cộng đồng của 02 thôn
VI	PHƯỚC SON		0	831	
1	Xã Phước Lộc	Thôn 3 (5A cũ)	0	52	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
2	Xã Phước Thành	Thôn 1,2,4	0	175	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
3	Xã Phước Kim	Thôn 2,3	0	217	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
4	Xã Phước Công	Chân đồi núi đá Cầu Khi	0	15	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
5	Xã Phước Chánh	Độc tà Dê thôn 1 và độc xà riêng thôn 5		25	nhà làng thôn
6	Xã Phước Mỹ	Khu dân Thôn 1		92	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã; nhà làng
7	Xã Phước Hòa	Chân đồi khu xóm Bà Lau thôn 2		40	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã; nhà làng
8	TT Khâm Đức	Chân đồi E Thị trấn Khâm Đức (Tổ dân phố số 2)		215	Trường PTTH Khâm Đức
VII	NAM TRÀ MY			2	
1	Xã Trà Nam	Nóc Tắc Vinh 3, thôn 2		25	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Long Riêu, thôn 3	96		
		KDC Long Riêu, thôn 4	55		
2	Xã Trà Vân	KDC Văn Móa, thôn 2		84	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
3	Xã Trà Don	KDC Tắc Tổ, thôn 3		64	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
4	Xã Trà Tập	KDC Lăng Lương, thôn 1		6	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Lập Loa, thôn 2		14	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Tu Lung, thôn 3		28	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
5	Xã Trà Vinh	Thôn 3		2	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
VIII	ĐÔNG GIANG			21	
1	TT Prao	Thôn ngã ba		5	UBND TT Prao
2	Xã Tư	Thôn Vầu		3	UBND xã
		Thôn Láy		2	
3	Xã Jơ Ngây	Thôn Cờ Lò		4	
4	Sông Kón	Thôn Bút Nga		7	
IX	PHÚ NINH		256	1.233	
1	Tam Dân	Thôn Ngọc Tú, thôn Kỳ Tân	136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)
2	Tam Đại	Đập tràn sự cổ Long Sơn		1.029	Trường TH Thái Phiên, nhà SHVH các thôn Đại Hạnh (cũ), Phước Thượng (cũ)
3	Tam Lãnh	Thôn Phước Mỹ, An Mỹ, Bồng Miêu	108		
4	Tam Lộc	Các thôn Tây Lộc, Cẩm Long (khu vực eo gió)	12		
5	Tam Thái	Khu vực núi Chùa, thôn Trường Mỹ		85	Nhà văn hóa thôn Trường Mỹ, trường THCS Phan Tây Hồ
X	NÚI THÀNH		77	2.455	
1	Tam Mỹ	Thôn Phú Trường		250	Trạm sông Múi, Trường TH, MN, Nhà VH, UBND
		Thôn Phú Thọ		320	Trường TH, MN, Nhà VH
		Thôn Phú Tân		450	Trường THCS, TH, MN, Nhà VH, Trạm y tế, UBND
		Thôn Phú Tứ		995	Trường TH, MN, Nhà VH
2	Tam Hải	Tân Bình Trung		134	Trường THCS Trần Quý Cáp
		Long Thạnh Tây		301	Nhà chống bão
3	Tam Sơn	Các tổ đoàn kết số 1, 2, 3, 6, 7	77	5	Trường MG thôn 1
XI	QUẾ SƠN			86	
1	Quế Trung	Thôn Trung An		42	Sơ tán cục bộ
2	Quế Lâm	Thôn 4		44	Sơ tán cục bộ
XII	DUY XUYỀN		391	131	
1	Duy Phú		80		
2	Duy Thu		75		
3	Duy Sơn		41		
4	Duy Trung		132	28	NVH thôn
5	Duy Nghĩa		63	70	Trường học
6	Duy Hải			33	Trường tiểu học Duy Hải
XIII	ĐẠI LỘC		277	1.140	
1	Đại Hưng	Thôn An Tân	21		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Mậu Lâm	21		
2	Đại Lãnh	Thôn Tân Hà	77		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Hà Dục Đông	23		Nhà thờ kiên cố, các nhà kiên cố
3	TT Ái Nghĩa	Phước Mỹ	63		
4	Đại Đồng	Vĩnh Phước	28		Các nhà kiên cố
5	Đại Sơn	Đồng Chàm		38	Gò Ngang, Cây gạo, gò cầu phà, trạm y tế xã
6	Đại Quang	Phương Trung		20	UBND xã
		Trường An		42	TTKT Nông nghiệp
		Sông Bình		39	
		Phước Lộc		11	
7	Đại Phong	Mỹ Tân	22	17	UBND xã, nhà kiên cố
8	Đại Hồng	Ngọc Kinh Tây		69	
		Lập Thuận		118	
		Hòa Hữu Đông	22	75	
		Hòa Hữu Tây		54	
9	Đại Hiệp	Phú Quý		147	Trường Trần Phú
		Phú Hải		146	Các nhà kiên cố, nhà thờ tộc
		Phú Trung		284	
10	Đại Tân	Mỹ Nam		47	Các nhà kiên cố
		Phú Phong		33	
XIV	NAM GIANG		1.362	118	
1	Thị trấn Thanh Mỹ	Thôn Thanh Mỹ 2, Pà Dấu 2, Đồng Râm	186	76	Nhà văn hóa thôn, trường học
2	Cà Dy	Bến Giăng	136	42	Nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã
3	Tà Bình	Thôn Tà Đắc	46		Các nhà kiên cố
4	Tà Pơ	Thôn Vinh	42		Các nhà kiên cố
5	Chà Vål	Thôn Pring	84		Các nhà kiên cố
6	Đắc Tỏi	Thôn Đắc Tà Vân, Đắc Rích, Đắc Ro	120		Các nhà kiên cố
7	Zuôiìh	Thôn Pà Rum, Công Dòn, Pà Di	132		Các nhà kiên cố
8	Đắc Pre	Thôn 56A, 56B, 57, 58	112		Các nhà kiên cố
9	Đắc Pring	Thôn 48A, 48B, 47, 49	98		Các nhà kiên cố
10	La Dêê	Thôn Đắc Ốc, Đắc Rế, Công Tờ Ron	142		Các nhà kiên cố
11	La Ê	Thôn Pà Oai, Pa Lan, Đắc Ngol	143		Các nhà kiên cố
12	Chơ Chun	Thôn A Sò, Blăng, Côn Zôt	121		Các nhà kiên cố
	TỔNG CỘNG		4.953	12.175	

Phụ lục VIII.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ QUÉT

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Địa điểm	Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
I	Duy Xuyên		158		190		235	
1	Duy Trung		158		190		235	Trường học, nhà văn hóa thôn
II	Đại Lộc	23				11		
1	Đại Lãnh	23						
2	Đại Hưng					11		
III	Tây Giang		1.123					
1	Gari		120					Hội trường UBND xã, trạm y tế
2	Axan		350					Hội trường UBND xã, trạm y tế
3	Avương		653					UBND xã, trạm y tế, trường tiểu học
IV	Núi Thành	62	5	62	5	62	5	
1	Tam Sơn	62	5	62	5	62	5	Trường mẫu giáo thôn 1
V	Phước Sơn	0	0	365	1.093	638	1.396	
1	Thôn 2,4 xã Phước Thành			0	0	140	330	
2	Thôn 2,3 xã Phước Kim			0	0	195	0	
3	Thôn 1,2 xã Phước Công			96	45	65	153	
4	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Chánh			0	167	0	167	
5	Thôn 1,2,3 xã Phước Mỹ			216	162	216	162	
6	Thôn 3 xã Phước Năng			31	250	0	67	
7	Thôn 2 xã Phước Hòa			22	45	22	93	
8	Thôn 1,2,4 xã Phước Đức				108	0	108	
9	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Hiệp				316	0	316	
VI	Nam Giang	617	135	864	180	1.303	198	
1	Thạnh Mỹ	162	72	250	95	394	102	Nhà văn hóa các thôn
2	Cà Dy	152	63	240	85	321	96	Nhà văn hóa các thôn
3	Tà Bình	12		15		45		Nhà văn hóa các thôn
4	Tà Pơ	16		17		35		Nhà văn hóa các thôn
5	Chà Vài	62		66		75		Nhà văn hóa các thôn
6	Đắc Tỏi	35		45		50		Nhà văn hóa các thôn
7	Zuôi h	45		50		60		Nhà văn hóa các thôn
8	Đắc Pre	32		38		65		Nhà văn hóa các thôn
9	Đắc Pring	21		36		41		Nhà văn hóa các thôn
10	La Dêê	31		48		152		Nhà văn hóa các thôn
11	La Ê	49		59		65		Nhà văn hóa các thôn
Tổng cộng		702	1.421	1.291	1.468	2.014	1.834	